

BÁO CÁO

Công tác bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Kon Tum năm 2023 và phương hướng nhiệm vụ năm 2024

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 118 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020; khoản 3 Điều 63 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường và Nghị quyết số 109/NQ-HĐND ngày 12 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch tổ chức các Kỳ họp thường lệ năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh; Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo kết quả công tác bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Kon Tum năm 2023 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2024, cụ thể như sau:

I. Hiện trạng, diễn biến chất lượng môi trường

1. Môi trường không khí

a) Hiện trạng:

- Chương trình quan trắc chất lượng môi trường không khí, tiếng ồn trên địa bàn tỉnh Kon Tum năm 2023 được thực hiện tại 20 vị trí theo mạng lưới quan trắc môi trường tỉnh Kon Tum giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030 được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 759/QĐ-UBND ngày 19 tháng 8 năm 2021 và điều chỉnh tại Quyết định số 545/QĐ-UBND ngày 22 tháng 9 năm 2023.

- Kết quả quan trắc (*Số liệu tính đến hết tháng 9/2023*): Biểu số 23 Phụ lục B kèm theo.

* *Nhận định hiện trạng môi trường không khí, tiếng ồn, độ rung*: Qua kết quả quan trắc cho thấy chất lượng môi trường không khí năm 2023 trên địa bàn tỉnh khá tốt và ổn định, các thông số quan trắc tại 20/20 vị trí đại diện của 10 huyện, thành phố đều có giá trị nằm trong giới hạn cho phép tại QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh; mức âm tương đương (L_{Aeq}) hầu hết nằm trong giới hạn tối đa cho phép tại QCVN 26:2010/BTNMT - quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; mức âm tương đương cực đại (L_{Amax}) hầu hết có giá trị cao hơn giới hạn tối đa cho phép của QCVN 26:2010/BTNMT; mức gia tốc rung đều nằm trong giới hạn tối đa cho phép tại QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung. Không có các điểm nóng về ô nhiễm môi trường không khí trên địa bàn tỉnh.

b) Diễn biến: Chất lượng môi trường không khí năm 2023 (*Số liệu tính đến hết tháng 9/2023*) so với chất lượng môi trường không khí cùng kỳ năm 2022 (*tại 20 vị trí quan trắc*) diễn biến như sau:

- Nhiệt độ: Giá trị quan trắc trung bình có 10 vị trí tăng từ 1,001 - 1,08 lần; 10 vị trí giảm từ 1,02 - 1,14 lần.

- Độ ẩm: Giá trị quan trắc trung bình có 12 vị trí tăng từ 1,01 - 1,18 lần; 08 vị trí giảm từ 1,01 - 1,15 lần.

- Áp suất: Giá trị quan trắc trung bình tăng từ 1,07 - 1,12 lần.

- Tốc độ gió: Giá trị quan trắc trung bình có 6 vị trí tăng từ 1,04 - 1,92 lần; 14 vị trí giảm từ 1,06 - 2,6 lần.

- Bụi lơ lửng: Giá trị quan trắc trung bình có 15 vị trí tăng từ 1,02 - 1,62 lần; 05 vị trí giảm từ 1,06 - 1,36 lần.

- Thông số CO: Giá trị quan trắc trung bình có 04 vị trí tăng từ 1,006 - 1,87 lần; 16 vị trí không thay đổi (có giá trị thấp hơn giới hạn phát hiện MDL < 2.975).

- Thông số SO₂: Giá trị quan trắc trung bình có 10 vị trí tăng từ 1,01 - 1,54 lần; 10 vị trí giảm từ 1,02 - 1,20 lần.

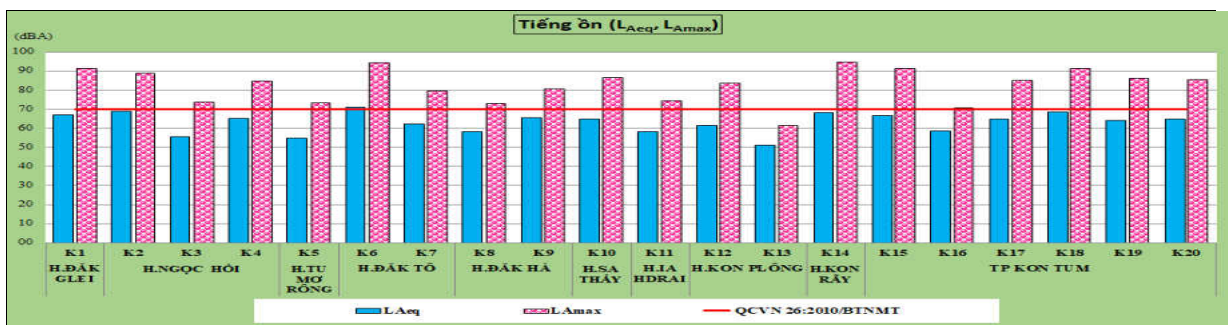
- Thông số NO₂: Giá trị quan trắc trung bình có 18 vị trí tăng từ 1,01 - 1,82 lần; 02 vị trí giảm từ 1,01 - 1,02 lần.

- Tiếng ồn: Mức âm tương đương (L_{Aeq}): Giá trị quan trắc trung bình có 12 vị trí tăng từ 1,01 - 1,06 lần; 08 vị trí giảm từ 1,002 - 1,05 lần; mức âm tương đương cực đại (L_{Amax}): Giá trị quan trắc trung bình có 13 vị trí tăng từ 1,002 - 1,11 lần; 07 vị trí giảm từ 1,0003 - 1,05 lần.

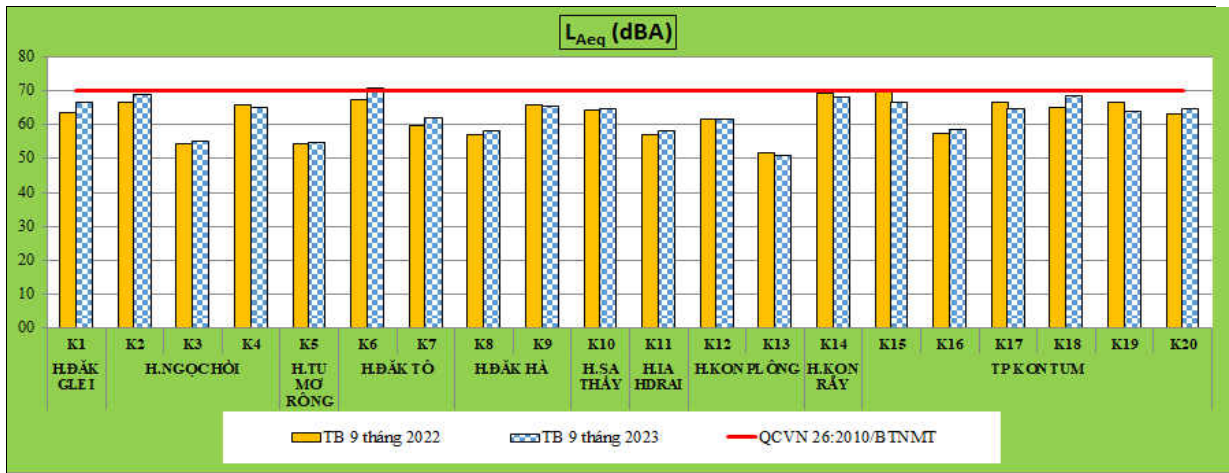
- Độ rung: Giá trị quan trắc trung bình có 02 vị trí tăng từ 1,02 - 1,05 lần; 18 vị trí giảm từ 1,02 - 1,33 lần.

* *Nhận định diễn biến chất lượng môi trường không khí, tiếng ồn, độ rung:* Trên cơ sở đánh giá diễn biến giá trị quan trắc so với cùng kỳ năm trước, nhận thấy chất lượng không khí, mức âm tương đương (L_{Aeq}) và mức gia tốc rung có sự biến đổi (có tăng giảm) nhưng đều nằm trong giới hạn tối đa cho phép của các Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia hiện hành về chất lượng không khí, độ rung và tiếng ồn. Các thông số có giá trị tăng nhẹ so với năm trước, riêng đối với mức âm tương đương cực đại (L_{Amax}) đa số tăng so với năm trước, nguyên nhân chủ yếu là do quá trình phát triển đô thị kéo theo sự gia tăng của các hoạt động sản xuất, các phương tiện vận tải, lưu thông trên các tuyến đường, đặc biệt tại các khu vực có mật độ phương tiện giao thông lớn.

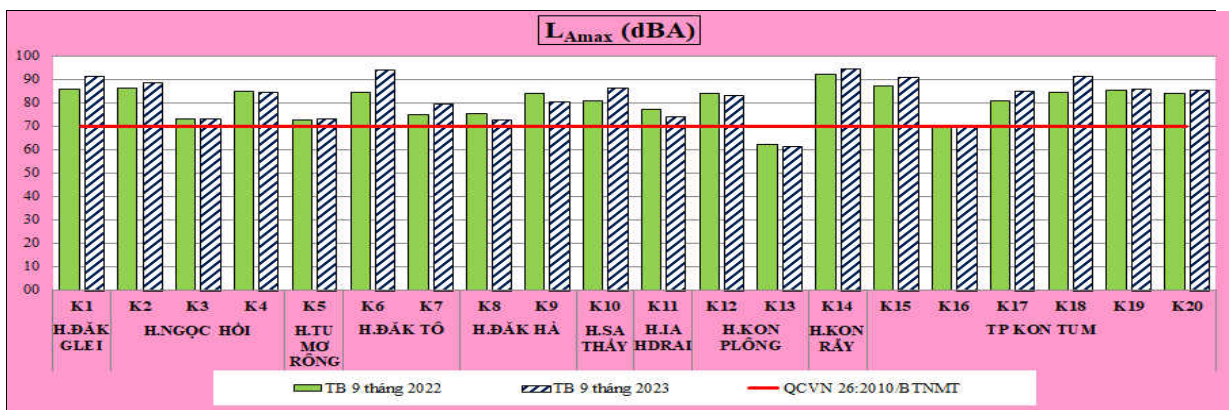
c) Biểu đồ diễn biến thể hiện các thông số bị ô nhiễm minh họa cho nhận định:



Biểu đồ 1: Giá trị tiếng ồn (L_{Aeq} và L_{Amax}) trung bình 9 tháng đầu năm 2023



Biểu đồ 2: Diễn biến giá trị tiếng ồn (L_{Aeq}) trung bình 9 tháng đầu năm 2022, 2023



Biểu đồ 3: Diễn biến giá trị tiếng ồn (L_{Amax}) trung bình 9 tháng đầu năm 2022, 2023

2. Môi trường nước mặt

a) Hiện trạng:

- Chương trình quan trắc chất lượng môi trường nước mặt trên địa bàn tỉnh Kon Tum được thực hiện tại 20 vị trí trên lưu vực các sông (sông Đăk Bla, sông Sê San, sông Đăk Psi, sông Pô Kô, sông Sa Thầy, sông Đăk S'Nghé) theo mạng lưới quan trắc môi trường tỉnh Kon Tum giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030 được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 759/QĐ-UBND ngày 19 tháng 8 năm 2021 và điều chỉnh tại Quyết định số 545/QĐ-UBND ngày 22 tháng 9 năm 2023.

- Kết quả quan trắc (Số liệu tính đến hết tháng 9/2023): Biểu số 25 Phụ lục B kèm theo.

* *Nhận định hiện trạng môi trường nước mặt:* Từ kết quả quan trắc môi trường nước mặt trung bình 9 tháng đầu năm 2023 trên các lưu vực sông chính thuộc địa bàn tỉnh Kon Tum cho thấy:

+ Đối với các thông số phục vụ cho việc phân loại chất lượng nước sông và bảo vệ môi trường sống dưới nước: Thông số pH, DO và Coliform có giá trị nằm trong mức A của QCVN 08-MT:2023/BTNMT (Chất lượng nước tốt có thể sử dụng cho mục đích sinh hoạt, bơi lội, vui chơi dưới nước sau khi áp dụng các biện pháp xử lý phù hợp); thông số TSS có giá trị nằm trong mức B (Chất lượng

nước trung bình có thể sử dụng cho mục đích sản xuất công nghiệp, nông nghiệp sau khi áp dụng các biện pháp xử lý phù hợp); thông số BOD₅ có 01 vị trí có giá trị nằm trong mức A, 02 vị trí nằm trong mức B, 15 vị trí nằm trong mức C (Chất lượng nước xấu có thể được sử dụng cho các mục đích sản xuất công nghiệp sau khi áp dụng các biện pháp xử lý phù hợp) và có 02 vị trí chỉ đạt mức D (Nước có chất lượng rất xấu, nồng độ chất ô nhiễm cao, có thể được sử dụng cho các mục đích giao thông thủy và các mục đích khác với yêu cầu nước chất lượng thấp); thông số COD có 02 vị trí có giá trị nằm trong mức A, 02 vị trí nằm trong mức B, 08 vị trí nằm trong mức C và 08 vị trí chỉ đạt mức D.

+ Đối với các thông số quan trắc còn lại NH₄⁺, Pb, CN⁻ đa số đều có giá trị nằm trong giới hạn tối đa của QCVN 08-MT:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt, riêng thông số E.Coli có 01 vị trí có giá trị vượt giới hạn tối đa 1,03 lần và hàm lượng Fe tại 16/20 vị trí có giá trị vượt giới hạn tối đa từ 1,26 - 10,7 lần.

b) Diễn biến: Chất lượng môi trường nước mặt năm 2023 (Số liệu tính đến hết tháng 9/2023) so với cùng kỳ năm 2022 (tại 20 vị trí quan trắc) diễn biến như sau:

- Nhiệt độ: Giá trị quan trắc trung bình có 05 vị trí giảm từ 1,04 - 1,07 lần, 15 vị trí tăng từ 1,01 - 1,12 lần.

- Độ pH: Giá trị quan trắc trung bình có 05 vị trí giảm từ 1,00 - 1,03 lần, 15 vị trí tăng từ 1,01 - 1,10 lần.

- Thông số TSS: Giá trị quan trắc trung bình có 16 vị trí giảm từ 1,06 - 3,42 lần, 04 vị trí tăng từ 1,05 - 1,98 lần.

- Thông số DO: Giá trị quan trắc trung bình tăng từ 1,01 - 1,27 lần.

- Thông số COD: Giá trị quan trắc trung bình có 15 vị trí giảm từ 1,01 - 1,37 lần, 05 vị trí tăng từ 1,00 - 1,26 lần.

- Thông số BOD: Giá trị quan trắc trung bình có 13 vị trí giảm từ 1,00 - 1,32 lần, 07 vị trí tăng từ 1,02 - 1,24 lần.

- Thông số NO₃⁻: Giá trị quan trắc trung bình có 16 vị trí giảm từ 1,02 - 1,73 lần, 04 vị trí tăng từ 1,01 - 1,74 lần.

- Thông số NH₄⁺: Giá trị quan trắc trung bình có 12 vị trí giảm từ 1,02 - 4,71 lần, 01 vị trí không thay đổi và 07 vị trí còn lại tăng từ 1,02 - 1,44 lần.

- Thông số PO₄³⁻: Giá trị quan trắc trung bình có 11 vị trí giảm từ 1,06 - 3,44 lần, 09 vị trí tăng từ 1,07 - 1,62 lần.

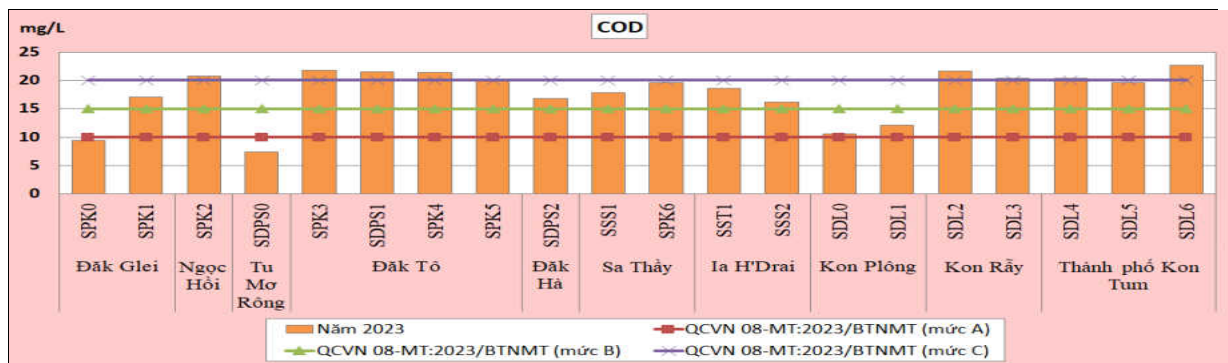
- Thông số Fe: Giá trị quan trắc trung bình có 13 vị trí giảm từ 1,16 - 3,91 lần, 07 vị trí tăng từ 1,01 - 2,49 lần.

- Thông số E.Coli: Giá trị quan trắc trung bình có 07 vị trí giảm từ 1,08 - 2,11 lần, 02 vị trí không thay đổi và 11 vị trí còn lại tăng từ 1,03 - 2,21 lần.

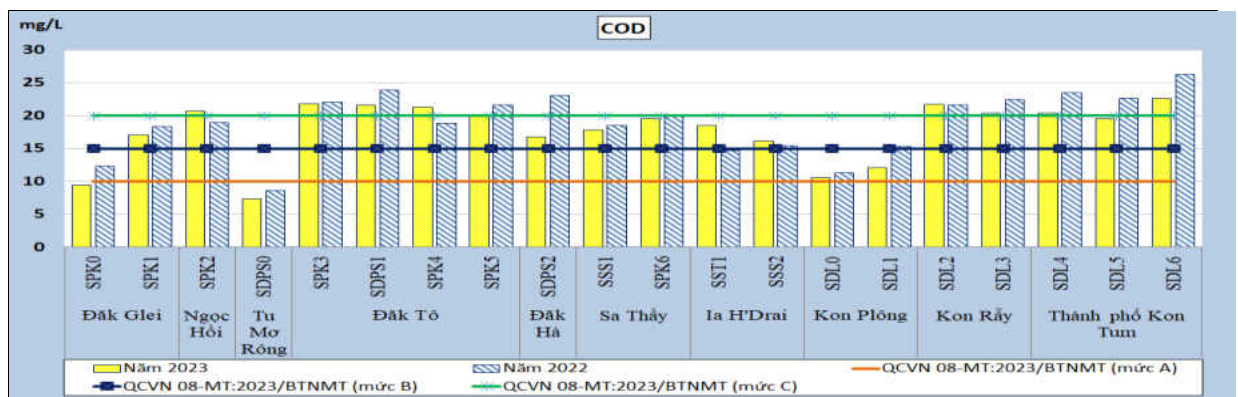
- Thông số Coliform: Giá trị quan trắc trung bình có 08 vị trí giảm từ 1,01 - 1,55 lần, 12 vị trí tăng từ 1,02 - 2,19 lần.

* *Nhận định diễn biến các thông số ô nhiễm so với năm trước:* Qua so sánh chất lượng nước mặt năm 2023 với năm 2022 có thể thấy giá trị quan trắc trung bình của các thông số DO, E.Coli, Coliform, pH và nhiệt độ tại đa số vị trí quan trắc có sự tăng nhẹ (*mức tăng tối đa 2,21 lần*) nhưng vẫn đảm bảo giới hạn cho phép theo QCVN 08-MT:2023/BTNMT; các thông số TSS, COD, BOD, NH_4^+ , NO_3^- , PO_4^{3-} , Fe tại đa số vị trí quan trắc có dấu hiệu giảm so với năm trước (*mức giảm tối đa 4,71 lần*). Tuy nhiên cần tiếp tục theo dõi kết quả quan trắc của thông số Fe tại các vị trí có giá trị vượt giới hạn tối đa gây ảnh hưởng đến sức khỏe con người quy định tại QCVN 08-MT:2023/BTNMT và các thông số BOD₅, COD tại một số vị trí có giá trị nằm trong giới hạn mức D của QCVN 08-MT:2023/BTNMT (*chất lượng nước xấu có thể gây ảnh hưởng lớn tới đời sống thủy sinh và hệ sinh thái dưới nước*) trong những đợt quan trắc tiếp theo nhằm kiểm soát các nguồn ô nhiễm có khả năng gây ảnh hưởng đến chất lượng nguồn nước mặt trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

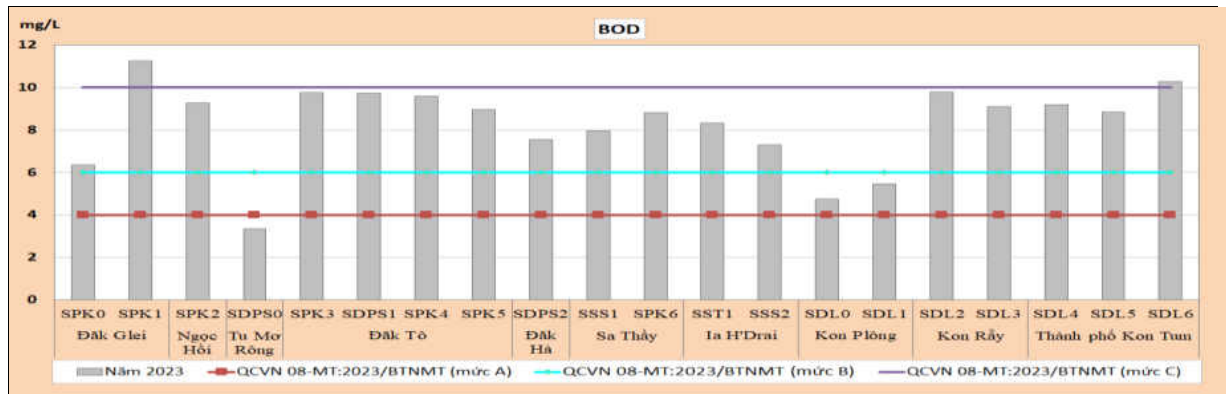
c) Biểu đồ diễn biến thể hiện các thông số bị ô nhiễm minh họa cho nhận định:



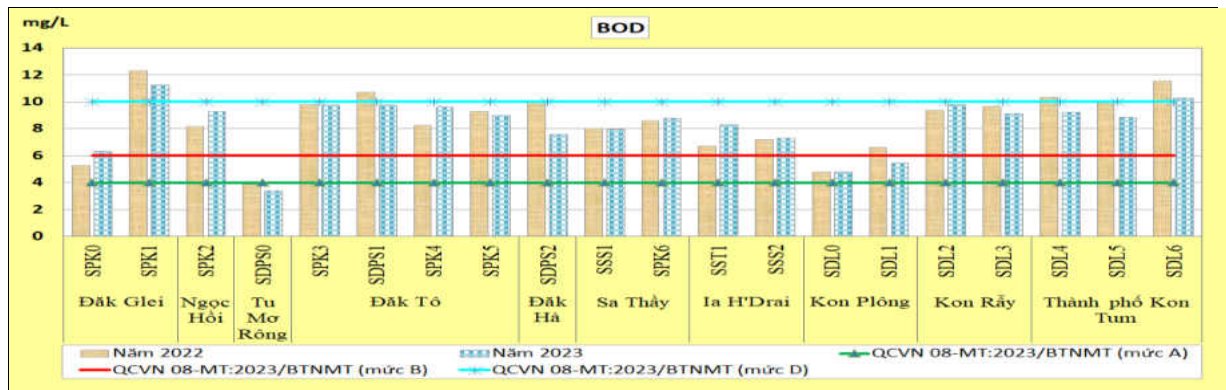
Biểu đồ 4: Giá trị COD trung bình 9 tháng đầu năm 2023



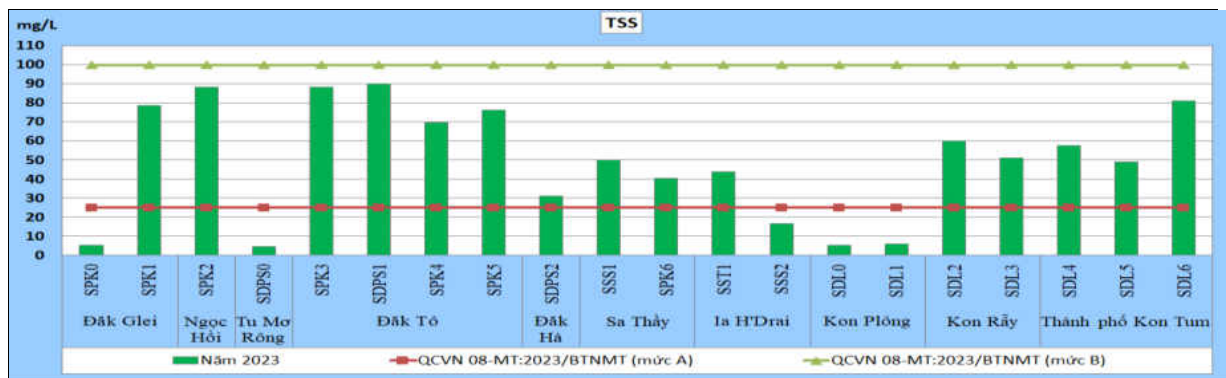
Biểu đồ 5: Diễn biến giá trị COD trung bình 9 tháng đầu năm 2022, 2023



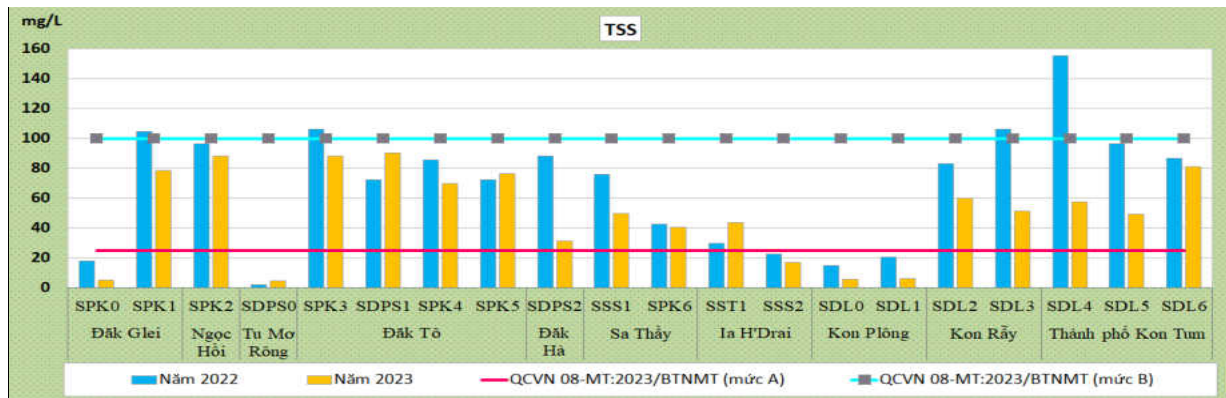
Biểu đồ 6: Giá trị BOD_5 trung bình 9 tháng đầu năm 2023



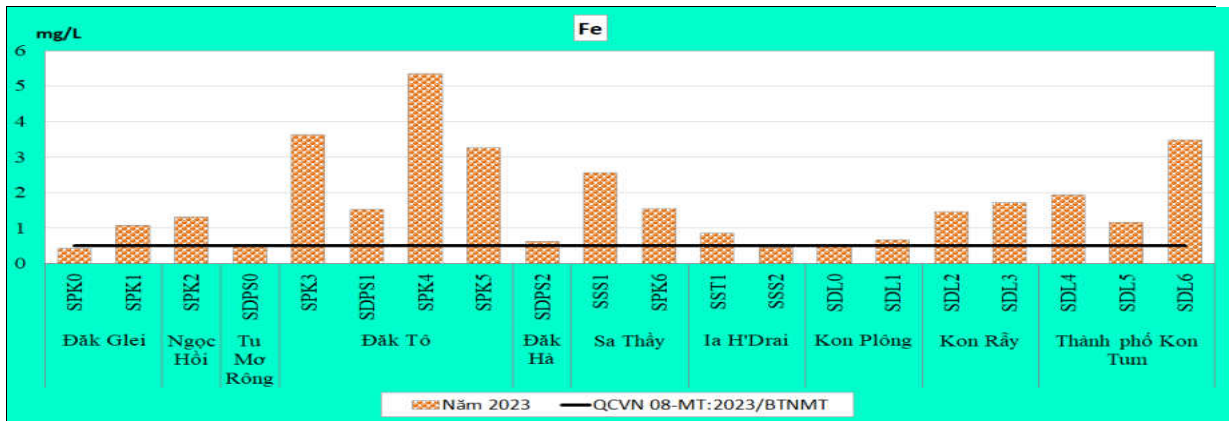
Biểu đồ 7: Diễn biến giá trị BOD_5 trung bình 9 tháng đầu năm 2022, 2023



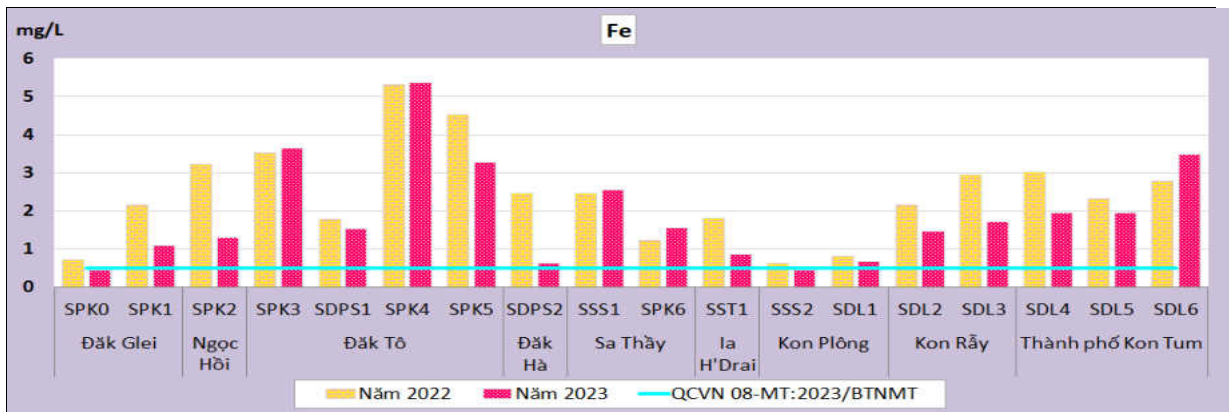
Biểu đồ 8: Giá trị TSS trung bình 9 tháng đầu năm 2023



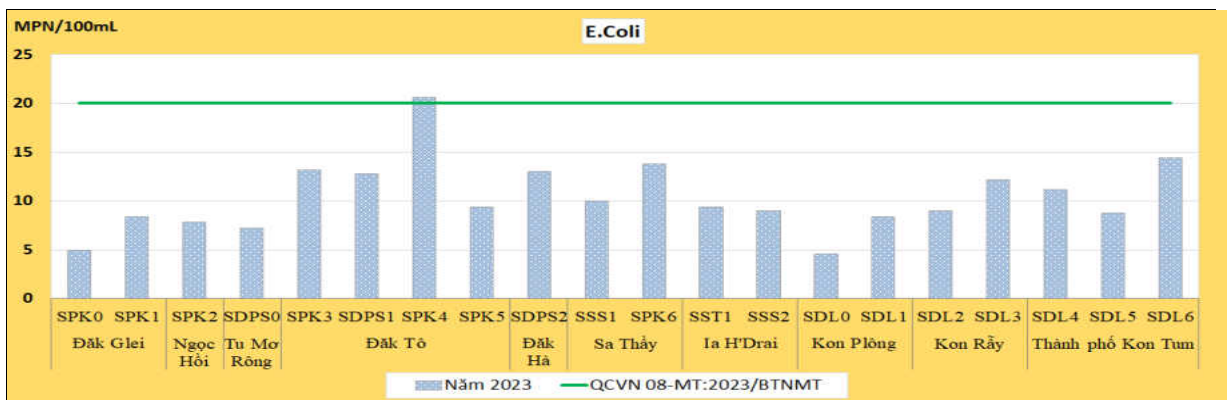
Biểu đồ 9: Diễn biến giá trị TSS trung bình 9 tháng đầu năm 2022, 2023



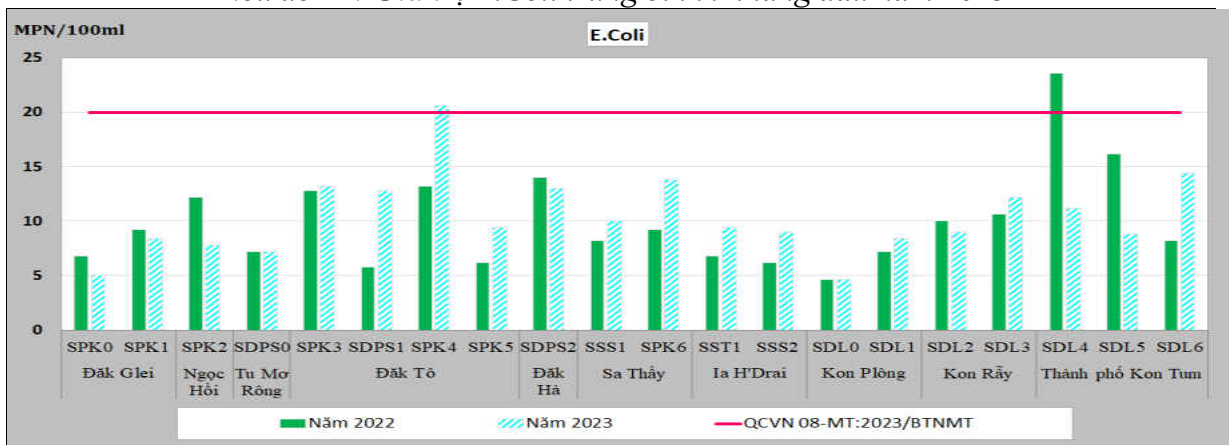
Biểu đồ 10: Giá trị Fe trung bình 9 tháng đầu năm 2023



Biểu đồ 11: Diễn biến giá trị Fe trung bình 9 tháng đầu năm 2022, 2023



Biểu đồ 12: Giá trị E.Coli trung bình 9 tháng đầu năm 2023



Biểu đồ 13: Diễn biến giá trị E.Coli trung bình 9 tháng đầu năm 2022, 2023

3. Môi trường nước dưới đất

a) Hiện trạng:

- Chương trình quan trắc chất lượng môi trường nước dưới đất trên địa bàn tỉnh Kon Tum được thực hiện tại 13 vị trí điểm tác động theo mạng lưới quan trắc môi trường tỉnh Kon Tum giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030 được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 759/QĐ-UBND ngày 19 tháng 8 năm 2021 và điều chỉnh tại Quyết định số 545/QĐ-UBND ngày 22 tháng 9 năm 2023.

- Kết quả quan trắc (*Số liệu tính đến hết tháng 9/2023*): Biểu số 26 Phụ lục B kèm theo.

* *Nhận định hiện trạng môi trường nước dưới đất*: Từ kết quả quan trắc môi trường nước dưới đất trung bình 9 tháng đầu năm 2023 trên địa bàn tỉnh, khi so sánh với giá trị giới hạn của các thông số quy định tại QCVN 09:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước dưới đất và QCVN 01-1:2018/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt cho thấy hầu hết các thông số quan trắc đều có giá trị nằm trong giới hạn cho phép của các Quy chuẩn. Riêng thông số Fe và $\text{NH}_4^+\text{-N}$ có 01 vị trí quan trắc có giá trị cao hơn giới hạn cho phép của QCVN 01-1:2018/BYT (*Thông số Fe tại vị trí G_{10} có giá trị cao hơn giới hạn cho phép 2,478 lần, thông số $\text{NH}_4^+\text{-N}$ tại vị trí G_{13} có giá trị cao hơn giá trị giới hạn cho phép 3,096 lần*).

b) Diễn biến: Chất lượng môi trường nước dưới đất năm 2023 (*Số liệu tính đến hết tháng 9/2023*) so với cùng kỳ năm 2022 (*tại 13 vị trí quan trắc*) diễn biến như sau:

- Độ pH: Giá trị quan trắc trung bình có 02 vị trí giảm từ 1,007 - 1,013 lần, 11 vị trí tăng từ 1,002 - 1,393 lần.

- Thông số $\text{NH}_4^+\text{-N}$: Giá trị quan trắc trung bình có 03 vị trí giảm từ 1,682 - 7,284 lần, 01 vị trí không thay đổi và 09 vị trí còn lại tăng từ 1,108 - 1,708 lần.

- Thông số $\text{NO}_3^- \text{ - N}$: Giá trị quan trắc trung bình tăng từ 1,429 - 3,4 lần.

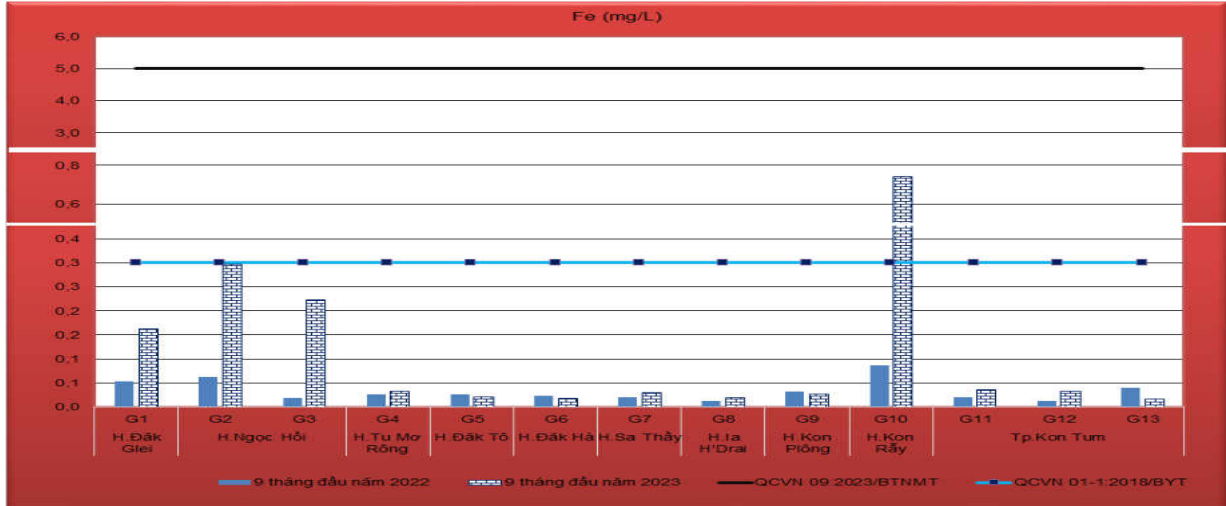
- Thông số Fe: Giá trị quan trắc trung bình có 04 vị trí giảm từ 1,2 - 2,429 lần, 09 vị trí tăng từ 1,220 - 11,946 lần.

- Các thông số As, Coliform: Giá trị quan trắc đều thấp hơn giới hạn phát hiện của phương pháp thử.

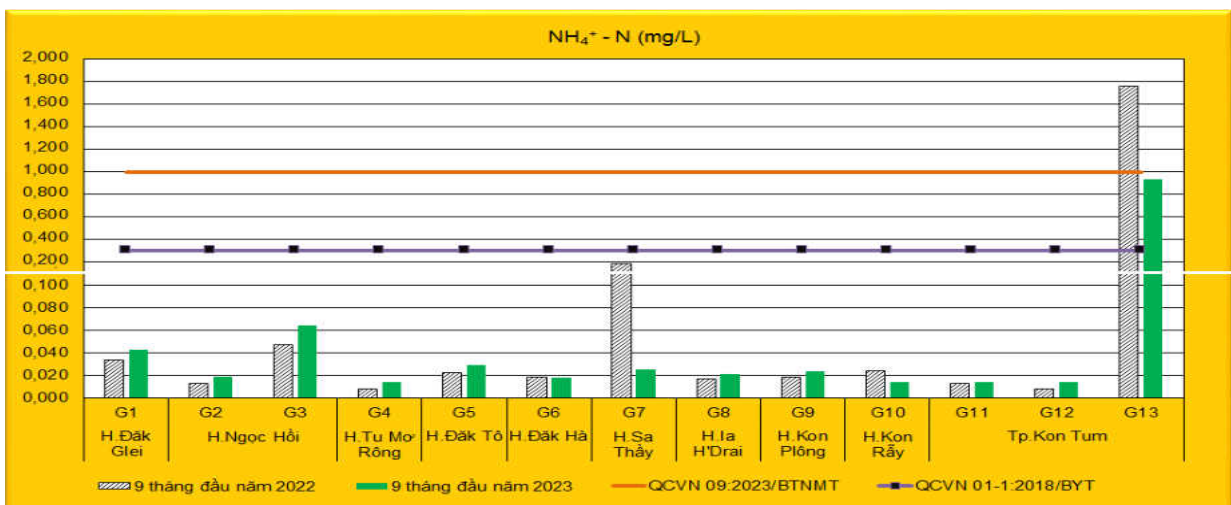
* *Nhận định diễn biến các thông số ô nhiễm so với năm trước*: Trên cơ sở diễn biến chất lượng nước dưới đất so với năm trước cho thấy giá trị quan trắc trung bình của các thông số tại thời điểm quan trắc có biến động tăng nhẹ so với cùng kỳ năm trước nhưng vẫn nằm trong giới hạn cho phép của các Quy chuẩn hiện hành về chất lượng nước dưới đất và nước sạch sử dụng cho mục đích sinh

hoạt. Cần tiếp tục theo dõi trong những đợt quan trắc tiếp theo nhằm kiểm soát các nguồn ô nhiễm có khả năng gây ảnh hưởng đến chất lượng nguồn nước dưới đất trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

c) Biểu đồ diễn biến thể hiện các thông số bị ô nhiễm minh họa cho nhận định:



Biểu đồ 14: Diễn biến giá trị Fe trung bình 9 tháng đầu năm 2022, 2023



Biểu đồ 15: Diễn biến giá trị NH₄⁺-N trung bình 9 tháng đầu năm 2022, 2023

4. Môi trường đất

a) Hiện trạng:

- Chương trình quan trắc chất lượng môi trường đất trên địa bàn tỉnh năm 2023 được thực hiện tại 08 vị trí theo mạng lưới quan trắc môi trường tỉnh Kon Tum giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030 được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 759/QĐ-UBND ngày 19 tháng 8 năm 2021 và điều chỉnh tại Quyết định số 545/QĐ-UBND ngày 22 tháng 9 năm 2023. Trong đó có 03 vị trí đại diện cho khu vực môi trường chịu nhiều tác động của các hoạt động sản xuất công nghiệp và 05 vị trí đại diện cho khu vực môi trường chịu tác động của sản xuất nông nghiệp.

- Kết quả quan trắc (*Số liệu tính đến hết tháng 9/2023*): Biểu số 27 Phụ lục B kèm theo.

* *Nhận định hiện trạng môi trường đất*: Kết quả quan trắc chất lượng môi trường đất năm 2023 tại 08/08 vị trí quan trắc đều có hàm lượng các kim loại nặng nằm trong giới hạn Loại 1 của QCVN 03:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng đất, điều đó cho thấy chất lượng đất năm nay có xu hướng ổn định, không bị ô nhiễm bởi các thông số kim loại nặng trong đất; chỉ số pH (H_2O) và pH (KCl) từ chua nhẹ đến trung tính; riêng hàm lượng N tổng và P tổng tại 02 vị trí chịu ảnh hưởng bởi hoạt động nông nghiệp và 05 vị trí chịu ảnh hưởng bởi hoạt động công nghiệp không đạt khoảng giới hạn của TCVN 7373:2004 và TCVN 7374:2004, nguyên nhân có thể do chịu tác động từ quá trình canh tác, cải tạo đất, hoạt động dân sinh. Do đó, để khai thác và sử dụng đất có hiệu quả hơn trong thời gian tới cần có các biện pháp cải tạo, bón phân hợp lý nhằm tăng hiệu quả kinh tế.

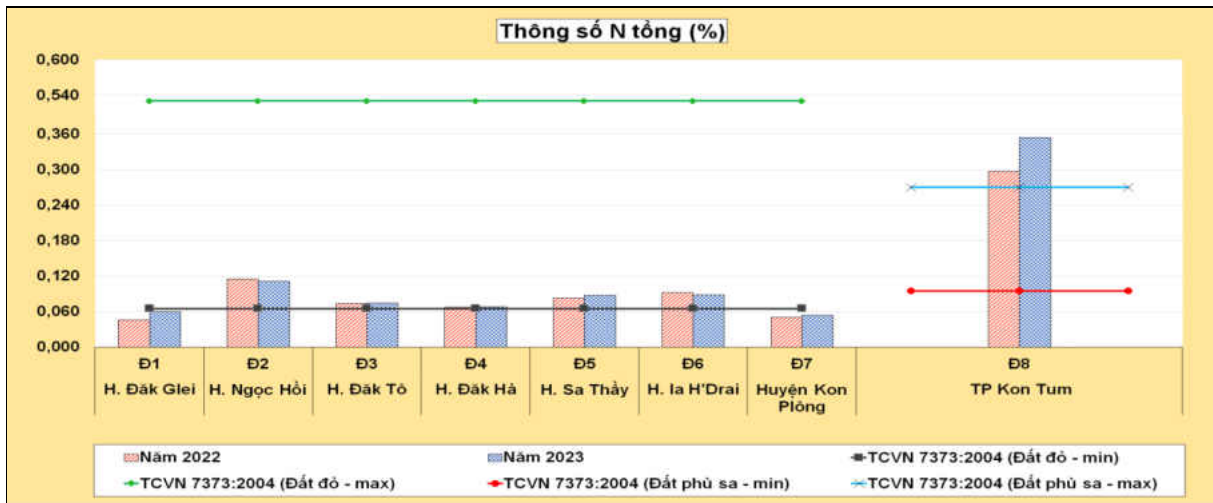
b) Diễn biến: Chất lượng môi trường đất năm 2023 (*Số liệu tính đến hết tháng 9/2023*) so với cùng kỳ năm 2022 (*tại 08 vị trí quan trắc*) diễn biến như sau:

- Thông số pH (H_2O): Giá trị quan trắc trung bình có 06 vị trí giảm từ 1,02 - 1,13 lần; 02 vị trí tăng từ 1,01 - 1,03 lần
- Thông số pH (KCl): Giá trị quan trắc trung bình có 06 vị trí giảm từ 1,02 - 1,15 lần; 02 vị trí tăng từ 1,001 - 1,03 lần.
- Thông số N tổng: Tại 02 vị trí giá trị thông số giảm từ 1,03 - 1,05 lần; 06 vị trí tăng từ 1,01 - 1,30 lần.
- Thông số P tổng: Giá trị quan trắc trung bình có 04 vị trí giảm từ 1,05 - 2,27 lần; 04 vị trí còn lại tăng từ 1,08 - 1,73 lần.
- Thông số Cu: Giá trị quan trắc trung bình có 05 vị trí giảm từ 1,04 - 1,31 lần; 03 vị trí còn lại tăng từ 1,19 - 1,96 lần.
- Thông số Cd: Giá trị quan trắc trung bình có 03 vị trí giảm từ 1,02 - 1,29 lần; 05 vị trí còn lại tăng từ 1,07 - 1,76 lần.
- Thông số Zn: Giá trị quan trắc trung bình có 02 vị trí giảm từ 1,003 - 1,16 lần; 06 vị trí còn lại tăng từ 1,02 - 1,44 lần.
- Thông số Pb: Giá trị quan trắc trung bình có 02 vị trí giảm từ 1,13 - 1,14 lần; 06 vị trí còn lại tăng từ 1,15 - 2,25 lần.
- Thông số As: Giá trị quan trắc trung bình đều tăng từ 1,38 - 80,09 lần.
- Thông số Cr: Giá trị quan trắc trung bình có 01 vị trí giảm 1,21 lần; 07 vị trí còn lại tăng từ 1,05 - 2,13 lần.

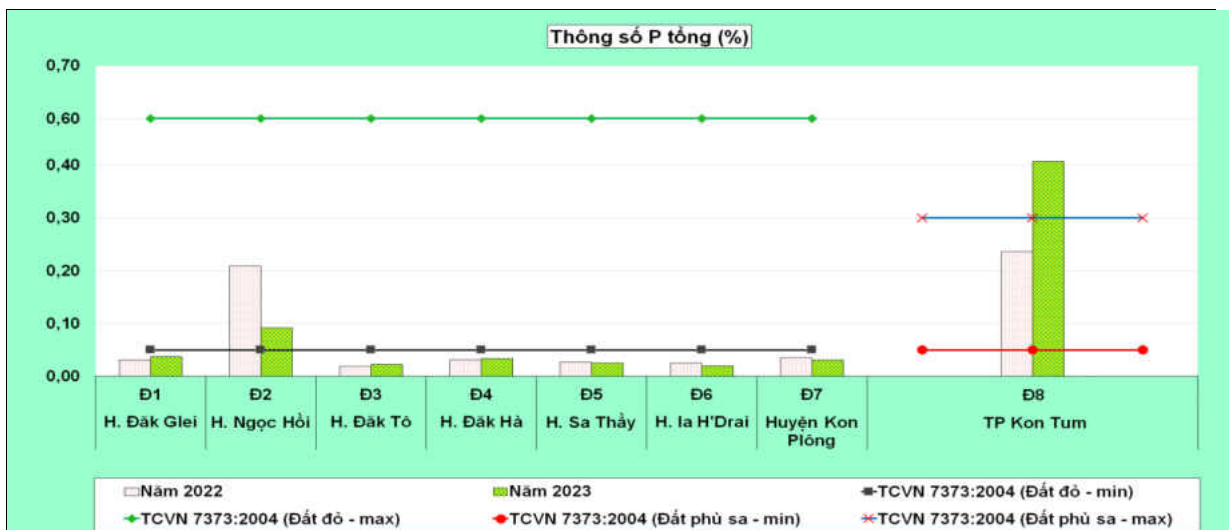
* *Nhận định diễn biến các thông số ô nhiễm so với năm trước*: Chất lượng môi trường đất trên địa bàn tỉnh so với năm trước có sự biến đổi tăng nhẹ nhưng không đáng kể. Cần khuyến cáo người dân có kế hoạch canh tác, cải tạo đất và sử dụng phân bón một cách hợp lý, hiệu quả để đảm bảo vừa cung cấp đủ dưỡng

chất cho đất, vừa bảo vệ chất lượng đất và phòng tránh vấn đề thoái hóa đất, ô nhiễm nguồn nước dưới đất.

c) Biểu đồ diễn biến thể hiện các thông số bị ô nhiễm minh họa cho nhận định:



Biểu đồ 16: Diễn biến giá trị N tổng trung bình 9 tháng đầu năm 2022, 2023



Biểu đồ 17: Diễn biến giá trị P tổng trung bình 9 tháng đầu năm 2022, 2023

5. Hiện trạng di sản thiên nhiên và đa dạng sinh học

Hiện tại, trên địa bàn tỉnh Kon Tum có 02 khu bảo tồn thiên nhiên được công nhận di sản thiên nhiên gồm: Vườn Quốc gia (VQG) Chư Mom Ray và Khu Bảo tồn thiên nhiên (KBTNN) Ngọc Linh, trong đó: Diện tích VQG Chư Mom Ray: 56.249,23 ha; diện tích Khu BTTN Ngọc Linh: 37.476,85 ha.

Không có sự thay đổi danh mục loài nguy cấp quý hiếm được ưu tiên bảo vệ, các loài đặc hữu, loài bị đe dọa theo Sách đỏ Việt Nam và Danh lục đỏ của IUCN; các nguồn gen quý hiếm trong 9 tháng trong năm 2023 đối với VQG Chư Mom Ray, KBTNN Ngọc Linh, Rừng đặc dụng Đắk Uy so với cùng kỳ năm trước.

II. Bối cảnh chung kinh tế - xã hội và các tác động chính đến môi trường

1. Thông tin chung về phát triển kinh tế - xã hội của địa phương¹

a) Việc thực hiện các chỉ tiêu về kinh tế:

- Tốc độ tăng trưởng đạt 6,87%, cao nhất trong khu vực Tây Nguyên. Trong đó: Khu vực Nông, Lâm nghiệp và Thủy sản tăng 5,8%; Khu vực Công nghiệp và Xây dựng tăng 9,98%; Khu vực Dịch vụ tăng 5,73%; Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm tăng 4,32%. Hoạt động đầu tư trên địa bàn tỉnh được duy trì ổn định, tăng trưởng khá so với cùng kỳ.

- Nông, Lâm nghiệp và Thủy sản:

+ Tổng diện tích gieo trồng vụ Đông Xuân 2022-2023 khoảng 10.236,2 ha, đạt 106% kế hoạch và bằng 104,4% so với cùng kỳ. Tổng diện tích cây trồng vụ mùa năm 2023 đạt 192.118 ha, đạt 102,41% kế hoạch và bằng 101,8% so với cùng kỳ. Phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao gắn với chế biến đã có sự chuyển biến tích cực; đã xây dựng được 07 cánh đồng lớn theo mô hình liên kết sản xuất. Các loại cây trồng chủ lực của tỉnh tiếp tục được chú trọng phát triển.

+ Tổng đàn gia súc là 271.186 con, đạt 98,13% kế hoạch, tăng 03% so với cùng kỳ; hiện phát triển khoảng 142 cơ sở chăn nuôi theo quy mô trang trại; có 33 cơ sở liên kết trong hoạt động chăn nuôi. Diện tích nuôi trồng thủy sản ước khoảng 882 ha, đạt 103,8% kế hoạch và tăng 10,7% so với cùng kỳ.

+ Ước thực hiện 9 tháng diện tích trồng rừng được 3.572 ha, đạt 89,07% kế hoạch; trồng được 584.188 cây phân tán, đạt 97,56% kế hoạch.

- Công nghiệp và Xây dựng:

+ Giá trị sản xuất công nghiệp trong 9 tháng của năm 2023 ước khoảng 6.290 tỷ đồng, tăng 6,6% so với cùng kỳ năm 2022. Toàn tỉnh hiện có 03 khu công nghiệp và 01 Khu kinh tế; có 08 cụm công nghiệp đã đi vào hoạt động với tổng diện tích 275,075 ha; có 39 doanh nghiệp và 393 cơ sở sản xuất đầu tư trong cụm công nghiệp; tỷ lệ lấp đầy đạt 63,6%.

+ Hiện có 29 công trình thủy điện hoàn thành, với tổng công suất là 343MW; 01 dự án điện mặt trời đã hoàn thành đóng điện (*Dự án nhà máy điện mặt trời Sê San 4 với công suất 49MWp*).

+ Từ đầu năm đến nay, đã thu hút 08 dự án đầu tư (*ngoài khu công nghiệp, khu kinh tế*) với tổng vốn đăng ký khoảng 1.547 tỷ đồng.

- Lĩnh vực du lịch của tỉnh đã có nhiều khởi sắc; 9 tháng của năm 2023, thu hút được khoảng 1.162.450 lượt khách, đạt 89,42% kế hoạch và tăng 20,21% so với cùng kỳ năm trước.

- Xây dựng nông thôn mới: Toàn tỉnh hiện có 42 xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới (*trong đó có 04 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao*);

¹ Số liệu theo Báo cáo số 437-BC/TU ngày 29/9/2023 của Tỉnh ủy Kon Tum.

bình quân toàn tỉnh đạt 15,32 tiêu chí/xã; có 14 thôn đạt chuẩn khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu và 25 thôn (làng) vùng đồng bào dân tộc thiểu số đạt chuẩn thôn nông thôn mới. Toàn tỉnh có 174 sản phẩm (OCOP), trong đó: 01 sản phẩm 5 sao, 06 sản phẩm tiềm năng 5 sao (*đang đề nghị Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đánh giá*), 17 sản phẩm 4 sao và 150 sản phẩm 3 sao.

b) Về văn hóa, xã hội

- Tổng số học sinh ra lớp năm học mới 2023 - 2024 khoảng 168.500 học sinh, đạt 100,3% kế hoạch, tăng 1,13% so với cùng kỳ năm trước. Trong 9 tháng đã đào tạo trình độ giáo dục nghề nghiệp cho 3.859 học viên; giải quyết việc làm cho 5.100 lao động, đạt 85% kế hoạch, bằng 74,37% so với cùng kỳ năm trước.

- Công tác phòng, chống dịch bệnh được triển khai quyết liệt. Duy trì 100% trạm y tế có bác sỹ. Tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế ước đạt 92,66%, đạt 99,26% kế hoạch và tăng 0,6% so với cùng kỳ năm trước.

- Hạ tầng công nghệ thông tin dùng chung của tỉnh được nâng cấp. Đã chỉ đạo đẩy mạnh thực hiện Chương trình chuyển đổi số. Hoạt động nghiên cứu khoa học và công nghệ đã chú trọng giải quyết một số vấn đề cấp thiết của địa phương như nghiên cứu về dược liệu, Sâm Ngọc Linh, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao...

- Công tác giải quyết đất ở, đất sản xuất cho các hộ đồng bào dân tộc thiểu số được triển khai thực hiện tích cực. Đến nay, tỷ lệ hộ dân tộc thiểu số có đất ở khoảng 98,14%, đạt 99,58% kế hoạch và bằng 100,33% so với cùng kỳ năm trước; tỷ lệ hộ dân tộc thiểu số có đất sản xuất khoảng 97,9%, đạt 99,44% kế hoạch và bằng 100,33% so với cùng kỳ năm trước.

2. Các tác động chính đến môi trường

Quá trình phát triển kinh tế, xã hội đã tạo ra áp lực lên môi trường, hệ sinh thái và đa dạng sinh học của tỉnh. Tình trạng ô nhiễm môi trường diễn biến phức tạp, tác động lên các thành phần môi trường.

- Tác động đến môi trường nước: Tất cả các đô thị trên địa bàn tỉnh hiện nay chưa có hệ thống thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt tập trung, tiềm ẩn nguy cơ ô nhiễm môi trường cho các lưu vực sông. Ngoài ra, suy giảm nguồn nước do biến đổi khí hậu nhất là tình trạng thiếu nước vào mùa khô cộng với tác động của con người thông qua các hoạt động sản xuất nông nghiệp, dịch vụ, du lịch, y tế, nước thải công nghiệp từ các cơ sở sản xuất chưa qua xử lý hoặc xử lý không triệt để.

- Tác động đến môi trường không khí: Mặc dù tình trạng ô nhiễm môi trường không khí tại tỉnh Kon Tum chưa đến mức báo động so với các tỉnh khác tuy nhiên tình trạng mùi hôi phát sinh tại các cơ sở chăn nuôi, cơ sở chế biến nông sản, quá trình vận chuyển mùn cao su vẫn còn diễn ra. Bên cạnh đó việc đốt rơm rạ, đốt cỏ bụi và cháy rừng... cũng là một trong những nguyên nhân dẫn đến sự gia tăng ô nhiễm môi trường không khí.

- Gia tăng khối lượng chất thải rắn: Cùng với quá trình phát triển kinh tế - xã hội, đô thị hóa thì lượng chất thải rắn (CTR), chất thải nguy hại (CTNH) phát sinh ngày càng lớn, cơ cấu thành phần phức tạp, trong khi đó, công tác quản lý rác thải sinh hoạt còn nhiều hạn chế. Một số huyện có bãi chôn lấp chất thải rắn không đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường (BVMT). Chất thải nhựa sử dụng một lần, túi nilon không được thu gom, xử lý đúng cách. Trên địa bàn tỉnh hiện nay chưa có cơ sở xử lý CTNH nên đã gặp rất nhiều khó khăn trong việc xử lý CTNH tại các cơ sở phát sinh và trong công tác quản lý cho địa phương. Đối với chất thải rắn xây dựng (*đất đá thải phát sinh trong quá trình thi công xây dựng đường giao thông, hạ tầng kỹ thuật phát triển đô thị, khai thác khoáng sản, xây dựng các công trình thủy điện...*) chưa được chặt chẽ tiềm ẩn nguy cơ gây sạt lở, bồi lắng các lưu vực sông, suối, đất canh tác của người dân.

- Tác động đến hệ sinh thái, đa dạng sinh học: Việc phát triển nông nghiệp, du lịch và xây dựng cơ sở hạ tầng là mối đe dọa đến việc bảo tồn đa dạng sinh học của tỉnh, không những trực tiếp chiếm dụng nơi cư trú và sinh sống của các loài mà còn gián tiếp gia tăng các hoạt động săn bắt, khai thác trái phép,... Ngoài ra việc chuyển đổi diện tích rừng nhường chỗ cho phát triển các ngành kinh tế khác sẽ làm gia tăng tai biến đặc biệt là lũ quét, xói mòn và trượt lở đất. Cùng với đó, các rủi ro do sạt lở có nguy cơ gia tăng do hoạt động xây dựng cơ sở hạ tầng đô thị.

III. Kết quả hoạt động bảo vệ môi trường

1. Kiểm soát nguồn ô nhiễm:

- Tỷ lệ khu công nghiệp (KCN) hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt yêu cầu về BVMT đạt 100%.

- Đối với cụm công nghiệp (CCN): Hiện nay đã có 08 cụm đi vào hoạt động, các CCN trên địa bàn tỉnh chưa được đầu tư đồng bộ cơ sở hạ tầng gắn với các công trình BVMT (*trừ CCN Đắk La đã đầu tư xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung*) nên các vấn đề môi trường phát sinh chưa được giải quyết triệt để.

- Tỷ lệ nước thải đô thị, nước thải nông thôn được thu gom, xử lý tập trung đạt yêu cầu về BVMT: 0%.

- Tỷ lệ các cơ sở sản xuất, kinh doanh có trạm quan trắc tự động, liên tục, truyền dữ liệu về Sở Tài nguyên và Môi trường theo quy định: 100 %.

- Báo cáo số liệu các nguồn ô nhiễm như:

+ KCN, khu chế xuất, CCN, làng nghề:

Trên địa bàn tỉnh, hiện có 01 Khu kinh tế (*Khu kinh tế Cửa khẩu Quốc tế Bờ Y, huyện Ngọc Hồi có diện tích 70.438 ha*), 03 KCN (*KCN Đắk Tô quy mô 146,76 ha; KCN Sao Mai quy mô 150 ha; KCN Hòa Bình quy mô 60 ha*) và 13 CCN được thành lập và đã được phê duyệt quy hoạch chi tiết với tổng diện tích

442,725 ha (trong đó, có 08 CCN đã đi vào hoạt động). Tuy nhiên việc bố trí kinh phí để đầu tư cơ sở hạ tầng, đặc biệt là các hạng mục xử lý chất thải cho các khu, CCN, làng nghề này còn nhiều hạn chế, đến thời điểm hiện nay chỉ có KCN Hòa Bình là đã đi vào hoạt động được đầu tư hoàn chỉnh các công trình BVMT, KCN Sao Mai đã đầu tư hệ thống xử lý nước thải tập trung (chưa hoạt động), CCN Đắk La đã đầu tư hệ thống xử lý nước thải tập trung (đã đi vào hoạt động nhưng không liên tục, lý do: các cơ sở hoạt động trong cụm sản xuất theo mùa vụ).

+ Khu đô thị, khu dân cư tập trung:

Trên địa bàn tỉnh có 08 đô thị đã được công nhận và phân loại, bao gồm: 01 đô thị loại II (thành phố Kon Tum), 01 đô thị loại IV (thị trấn Plei Kần, huyện Ngọc Hồi) và 06 đô thị loại V (thị trấn Đắk Gle, huyện Đắk Gle; thị trấn Đắk Tô, huyện Đắk Tô; thị trấn Đắk Hà, huyện Đắk Hà; thị trấn Sa Thầy, huyện Sa Thầy; thị trấn Đắk Rê, huyện Kon Rẫy; thị trấn Măng Đen, huyện Kon Plông). Ngoài ra còn có 03 trung tâm huyện bao gồm: Khu vực Trung tâm huyện Tu Mơ Rông; khu vực Đắk Ruồng - Tân Lập thuộc huyện Kon Rẫy; khu vực trung tâm huyện Ia H'Drai đang đầu tư xây dựng để dần đảm bảo các tiêu chí đô thị loại V và thực hiện các thủ tục để xem xét công nhận loại đô thị theo quy định. Hầu hết các đô thị, trung tâm huyện chưa được đầu tư hệ thống thu gom xử lý nước thải tập trung. Hiện nay chỉ có thành phố Kon Tum đang lập hồ sơ đề xuất chủ trương đầu tư dự án Cải thiện cơ sở hạ tầng môi trường đô thị giảm thiểu tác động biến đổi khí hậu thành phố Kon Tum, hợp phần: hệ thống thoát nước và xử lý nước thải thành phố Kon Tum; từ vốn ODA (chính phủ Phần Lan) và vốn đối ứng.

- Tổng hợp số liệu các nguồn ô nhiễm: Chi tiết tại Phụ lục I kèm theo.

2. Quản lý chất thải và phế liệu

a) Quản lý chất thải rắn sinh hoạt (CTRS):

- Trong 9 tháng đầu năm 2023, tổng khối lượng chất thải rắn sinh hoạt (CTRS) trên địa bàn tỉnh ước tính khoảng 300 tấn/ngày². Tỷ lệ thu gom rác thải sinh hoạt được thu gom và xử lý địa bàn tỉnh khoảng 86,8%. Tuy nhiên hình thức xử lý tại một số bãi chôn lấp chưa đảm bảo yêu cầu về môi trường, tỷ lệ chất thải xử lý đáp ứng yêu cầu về BVMT khoảng 60%.

- Về xử lý chất thải rắn sinh hoạt: Hiện nay trên địa bàn tỉnh có 08/10 huyện, thành phố có khu xử lý chất thải rắn tập trung, gồm:

+ Nhà máy xử lý chất thải rắn huyện Đắk Hà tại xã Hà Môn của Công ty TNHH Thương mại và Công nghệ Môi trường DH.

+ Bãi chôn lấp chất thải rắn của huyện Đắk Tô tại xã Tân Cảnh do Trung tâm Môi trường và Dịch vụ đô thị huyện quản lý.

² Khối lượng ước tính trên cơ sở tổng hợp số liệu từ các huyện, thành phố cung cấp trong 9 tháng đầu năm.

+ Khu vực chứa và xử lý rác thải huyện Ngọc Hồi thuộc xã Đăk Kan tuy nhiên bãi rác này đã quá tải. Ủy ban nhân dân huyện đang triển khai xây dựng Khu xử lý rác liên hợp huyện Ngọc Hồi tại xã Đăk Kan dự kiến đưa vào hoạt động vào cuối năm 2023.

+ Bãi chôn lấp chất thải rác thải Ủy ban nhân dân Đăk Glei thuộc xã Đăk Man, tuy nhiên hiện nay bãi chôn lấp bị quá tải. Ủy ban nhân dân huyện đã có chủ trương đầu tư và đang triển khai dự án Bãi xử lý rác thải huyện Đăk Glei tại thị trấn Đăk Glei (*dự án đang trong giai đoạn lập các thủ tục đầu tư*).

+ Bãi chôn lấp chất thải rắn của huyện Tu Mơ Rông tại xã Đăk Tờ Kan do Trung tâm Môi trường và Dịch vụ đô thị huyện quản lý.

+ Bãi chôn lấp chất thải rắn của huyện Kon Plong tại thị trấn Măng Đen do Trung tâm Môi trường và Dịch vụ đô thị huyện quản lý.

+ Bãi chôn lấp chất thải rắn của huyện Kon Rẫy tại thị trấn Đăk Rve, tuy nhiên đã ngưng hoạt động từ năm 2020 do bị quá tải. Hiện nay chất thải rắn được chứa tạm thời tại khu mỏ đá cũ thôn 12 xã Đăk Ruồng. Ủy ban nhân dân huyện Kon Rẫy dự kiến đầu tư dự án Nhà máy xử lý và tái chế rác thải huyện Kon Rẫy.

+ Nhà máy xử lý rác thải thành phố Kon Tum của Công ty TNHH Song Nguyên Kon Tum, hiện tạm dừng hoạt động do liên quan đến công tác đấu thầu.

- Về thu gom và vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt: Chất thải rắn phát sinh được Trung tâm Môi trường và Dịch vụ đô thị huyện thu gom và đưa về nhà máy/bãi chôn lấp tại các huyện để xử lý. Chất thải rắn trên địa bàn thành phố Kon Tum, huyện Sa Thầy đưa về Nhà máy xử lý chất thải rắn huyện Đăk Hà để xử lý. Riêng huyện Ia H'Drai chất thải rắn sinh hoạt phát sinh chưa được thu gom, chưa có khu xử lý chất thải rắn tập trung (*huyện đang đề xuất chủ trương xin đầu tư, xây dựng bãi rác*).

- Nhìn chung các địa phương đã triển khai công tác thu gom và xử lý chất thải rắn sinh hoạt. Tuy nhiên, công tác thu gom, quản lý và xử lý chất thải rắn còn nhiều hạn chế. Hầu hết chất thải rắn trên địa bàn tỉnh chưa được phân loại tại nguồn, chất thải rắn được xử lý theo hình thức chôn lấp là chủ yếu, nhiều bãi chôn lấp bị quá tải không hợp vệ sinh phát sinh ruồi, muỗi, phát tán mùi hôi. Một số khu vực nông thôn ở vùng sâu, vùng xa chưa có đội thu gom hoặc thu gom chưa thường xuyên, hầu hết lượng chất thải này được người dân tự thu gom xử lý nên dẫn đến rác thải gây ô nhiễm môi trường cục bộ và làm ảnh hưởng đến mỹ quan khu vực.

b) Quản lý chất thải rắn công nghiệp thông thường (CTRCNTT):

Lượng chất thải rắn công nghiệp tồn lưu tại các cơ sở sản xuất không tăng do phần lớn được tái sử dụng làm nguyên liệu cho các ngành sản xuất khác. Thành phần chất thải rắn công nghiệp còn lại sẽ được các cơ sở hợp đồng với đơn vị thu gom vận chuyển đến các nhà máy xử lý, bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt để xử lý. Theo thống kê 9 tháng của năm 2023 lượng chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh tại KCN Hòa Bình khoảng 209,5 tấn.

c) Quản lý chất thải nguy hại (CTNH):

Trên địa bàn tỉnh, không có đơn vị xử lý chất thải nguy hại. Lượng chất thải nguy hại phát sinh sẽ được các cơ sở thu gom và hợp đồng với đơn vị có chức năng ngoài tỉnh để thu gom và xử lý (*hợp đồng với các đơn vị như: Công ty TNHH TM&MT Hậu Sanh, Công ty TNHH TM&XD An Sinh, Công ty cổ phần Cơ - Điện – Môi trường LiLaMa*); một số cơ sở phát sinh khối lượng ít sẽ được lưu tại các kho chứa chất thải nguy hại tại các cơ sở.

- Chất thải y tế nguy hại phát sinh trên địa bàn:

Tổng số cơ sở y tế trên toàn tỉnh: 335 cơ sở. Trong đó: Cơ sở y tế công lập: 122 cơ sở; 02 cơ sở y tế tuyến tỉnh không thuộc ngành Y tế quản lý (*Bệnh xá Tiểu đoàn 24, Bệnh xá Công an*); 10 cơ sở y tế tuyến huyện; 03 Phòng khám Đa khoa khu vực; 9 cơ sở trạm Y tế xã, phường, thị trấn; 213 cơ sở y tế tư nhân.

+ Công tác quản lý: Chất thải y tế phát sinh tại các cơ sở được quản lý (*phân loại, thu gom, lưu giữ, vận chuyển, xử lý*) theo quy định tại Thông tư số 20/2021/TT-BYT ngày 26 tháng 11 năm 2021 của Bộ Y tế quy định về quản lý chất thải y tế trong phạm vi khuôn viên cơ sở y tế và Quyết định số 40/2022/QĐ-UBND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về việc ban hành Quy định việc thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn y tế trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

+ Chất thải nguy hại lây nhiễm: Phát sinh khoảng 134,44 tấn/9 tháng, được đưa về xử lý tại Cụm xử lý chất thải y tế nguy hại tập trung tại Bệnh viện Y dược cổ truyền phục hồi chức năng, Cụm xử lý chất thải y tế nguy hại tập trung tại Bệnh viện đa khoa khu vực Ngọc Hồi và khu xử lý chất thải rắn y tế nguy hại lây nhiễm của Trung tâm Y tế huyện Ia H'Drai, tỷ lệ xử lý đạt 100%.

+ Chất thải nguy hại không lây nhiễm: Phát sinh khoảng 226,22 tấn, các cơ sở y tế phát sinh hợp đồng với Công ty TNHH TM & MT Hậu Sanh và Công ty cổ phần Cơ - Điện – Môi trường LiLaMa để xử lý, tỷ lệ được xử lý đạt 63%; tại một số đơn vị do lượng chất thải ít nên đang lưu giữ tại khu lưu giữ chất thải của đơn vị, chờ xử lý.

d) Quản lý phế liệu nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất:

Trên địa bàn tỉnh hiện nay không có đơn vị nào được cấp phép nhập khẩu phế liệu và cũng không có tổ chức, cá nhân nào nhập khẩu phế liệu qua địa bàn tỉnh Kon Tum.

d) Tổng hợp số liệu về công tác quản lý chất thải và phế liệu tại: Phụ lục II kèm theo

3. Xử lý ô nhiễm, cải thiện chất lượng môi trường

- Quản lý, cải thiện chất lượng môi trường nước (*lưu vực sông, nước mặt, nước dưới đất,...*):

+ Công tác lập quy hoạch tài nguyên nước đang thực hiện thông qua việc lồng ghép với lập Quy hoạch tỉnh Kon Tum thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

+ Công tác điều tra, đánh giá, phê duyệt và công bố dòng chảy tối thiểu trên sông, suối và hạ lưu các hồ chứa; điều tra cơ bản tài nguyên nước tỉnh Kon Tum đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp các đơn vị liên quan đang triển khai thực hiện.

+ Xây dựng hệ thống quan trắc, kiểm soát chất lượng nguồn nước:

-> Chương trình quan trắc môi trường định kỳ: Từ đầu năm đến nay Sở Tài nguyên và Môi trường đã tổ chức 02 đợt quan trắc môi trường đất, 03 đợt quan trắc môi trường nước dưới đất, 05 đợt quan trắc môi trường nước mặt, 05 đợt quan trắc môi trường không khí. Trong đó mỗi đợt quan trắc: 20 điểm quan trắc môi trường không khí; 20 điểm quan trắc môi trường nước mặt; 13 điểm quan trắc môi trường nước ngầm và 08 điểm quan trắc môi trường đất trải đều trên địa bàn 10 huyện, thành phố.

-> Hệ thống quan trắc nước thải công nghiệp tự động liên tục từ các KCN và cơ sở sản xuất: Hiện nay có 19 cơ sở dự án đã hoàn thành việc lắp đặt hệ thống quan trắc nước thải tự động liên tục và truyền dữ liệu về Sở Tài nguyên và Môi trường thông qua hệ thống tiếp nhận dữ liệu quan trắc nước thải công nghiệp tự động liên tục trên địa bàn tỉnh, công tác theo dõi được thực hiện thường xuyên.

- Quản lý ô nhiễm, cải tạo, phục hồi môi trường đất:

+ Về quản lý, sử dụng thuốc bảo vệ thực vật (BVTV) trên địa bàn tỉnh: Thực hiện các mô hình áp dụng sản xuất nông nghiệp tốt (*VietGAP*) trên cây lúa, cà phê, nấm, rau củ quả, cây ăn quả với diện tích khoảng hơn 800 ha. Qua đó, lượng phân bón vô cơ, thuốc BVTV hóa học sử dụng trên đồng ruộng đã giảm. Các phụ phẩm từ trồng trọt được người dân tận dụng làm thức ăn chăn nuôi, phân bón, từ đó giảm thiểu ô nhiễm môi trường.

+ Thực hiện giải pháp khôi phục rừng bền vững vùng Tây Nguyên nhằm ứng phó với biến đổi khí hậu; triển khai Phương án quản lý rừng bền vững (*đã có 7.344,2 ha rừng trồng bền vững và được cấp chứng chỉ FSC*); thường xuyên kiểm tra, giám sát hoạt động của các dự án có chuyển đổi mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác, hạn chế đến mức thấp nhất việc lợi dụng thi công các công trình để vi phạm làm ảnh hưởng đến môi trường đất.

+ Ngoài ra các cơ sở sản xuất kinh doanh, chăn nuôi cũng đã thực hiện các giải pháp xử lý chất thải rắn, nước thải phát sinh, tuần hoàn tái sử dụng đã góp phần hạn chế ô nhiễm môi trường đất.

- Quản lý, cải thiện chất lượng không khí: Trên cơ sở chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh tại các Văn bản số 39/UBND-NNTN ngày 06 tháng 01 năm 2020 về việc tăng cường kiểm soát ô nhiễm không khí và xử lý triệt để các điểm nóng về ô nhiễm bụi, khí thải trên địa bàn tỉnh; Công văn số 427/UBND-NNTN ngày 03 tháng 02 năm 2021 về việc triển khai thực hiện Chỉ thị số 03/CT-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ; Công văn số 4447/UBND-NNTN ngày 15 tháng 12 năm 2021 về việc thực hiện Quyết định số 1973/QĐ-TTg ngày

23 tháng 11 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ, trên cơ sở chức năng nhiệm vụ được giao các đơn vị đã và đang triển khai các giải pháp để kiểm soát ô nhiễm không khí và xử lý ô nhiễm; hướng dẫn kiểm tra thực hiện các biện pháp hạn chế phát sinh khí thải trong các hoạt động như giao thông, xây dựng, đốt chất thải y tế, sản xuất nông nghiệp, sản xuất công nghiệp...

- Số lượng các cơ sở khai thác, chế biến khoáng sản đã thực hiện ký quỹ và cải tạo, phục hồi môi trường trong 9 tháng đầu năm 2023: có 36 đơn vị nộp tiền ký quỹ cải tạo phục hồi môi trường với số tiền 1.030.121.999 đồng vào tài khoản ký quỹ của Sở Tài nguyên và Môi trường.

- Số liệu về tình hình phát sinh, thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt trên địa bàn: *Tại Phụ lục III kèm theo.*

4. Phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

a) Các hoạt động phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong năm báo cáo:

- Về xây dựng kế hoạch ứng phó sự cố chất thải giai đoạn 2023 - 2030 của tỉnh Kon Tum: Sở Tài nguyên và Môi trường đã phối hợp với các sở, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố xây dựng kế hoạch ứng phó sự cố chất thải giai đoạn 2023 - 2030 trình Ủy ban nhân dân tỉnh. Tuy nhiên, trong quá trình triển khai xây dựng nội dung tình huống, kịch bản, biện pháp ứng phó sự cố và phục hồi môi trường đối với tình huống dự kiến sự cố chất thải đang gặp phải vướng mắc (*chưa có hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường*), hiện Sở Tài nguyên và Môi trường đã có văn bản gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường để được hướng dẫn.

- Thực hiện các hoạt động ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường: Sở Tài nguyên và Môi trường đã có công văn yêu cầu các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trên địa bàn tỉnh ban hành, tổ chức thực hiện Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ. Hiện nay, một số cơ sở sản xuất (*nhất là các cơ sở có nguy cơ ô nhiễm môi trường cao*) đã xây dựng phương án phòng ngừa ứng phó sự cố môi trường, chú trọng đến phòng ngừa sự cố nước thải.

- Về công tác phòng, chống, ứng phó kịp thời, hiệu quả, giảm thiểu thiệt hại do thiên tai gây ra: Trước tình hình thiệt hại do ảnh hưởng bão và mưa lũ gây ra trên địa bàn tỉnh trong những tháng đầu năm 2023, Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum đã huy động lực lượng, nguồn lực để tập trung khắc phục thiệt hại do thiên tai, đến nay cơ bản đã sửa chữa khắc phục xong nhà ở người dân; các công trình cầu, tràn, công trình thủy lợi³, các tuyến giao thông bị sạt lở⁴, bước đầu đã

³ Hiện nay trên địa bàn tỉnh có 03 công trình thủy lợi bị hư hỏng, ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và đơn vị liên quan đã chỉ đạo các đơn vị quản lý tập trung triển khai công tác khắc phục tạm nhằm đảm bảo nước tưới phục vụ cho sản xuất, sinh hoạt của người dân trên địa bàn.

⁴ Các tuyến đường tỉnh lộ 671, 672, 373, 675... đường Đăk Kôi - Đăk Pxi; Đường Sa Thầy - Yaly - thôn Tam An (xã Sa Sơn) - Ya Mô - Làng Rê (Mô Rai); Đường Tái định cư Thủy điện Plei Krông; Đường tuần tra biên giới...

tổ chức khắc phục tạm và đảm bảo giao thông, thông tuyến, phục vụ nhu cầu đi lại của Nhân dân trên địa bàn tỉnh.

- Tình hình động đất trên địa bàn tỉnh Kon Tum: Theo thông tin từ Trung tâm báo tin động đất và cảnh báo sóng thần - Viện Vật lý địa cầu, trên địa bàn huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum liên tục xảy ra nhiều trận động đất (*Theo thống kê, tính đến ngày 9 tháng 8 năm 2023, tại huyện Kon Plông và vùng lân cận, đã xảy ra 231 trận động đất*). Trước tình hình diễn biến của động đất, Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum đã ban hành nhiều văn bản⁵ chỉ đạo các sở, ban ngành và Ủy ban nhân dân huyện Kon Plông thường xuyên, theo dõi chặt chẽ tình hình dư chấn động đất trên địa bàn; kịp thời phát hiện, thông tin về động đất và dư chấn do động đất; hướng dẫn kỹ năng ứng phó, ổn định tâm lý cho Nhân dân trên địa bàn; chỉ đạo triển khai lực lượng, phương tiện hỗ trợ cứu hộ, cứu nạn, khắc phục hậu quả (*trong trường hợp xảy ra sự cố*) để đảm bảo an toàn tính mạng cho người dân trên địa bàn.

- Thông tin phản ánh, kiến nghị của tổ chức và cá nhân về ô nhiễm môi trường trên địa bàn:

+ Thông tin phản ánh trên Báo chí⁶: ô nhiễm môi trường tại Trang trại nuôi heo Hộ kinh doanh Hồ Xuân Lâm thuộc thôn Đăk Vang, xã Sa Loong, huyện Ngọc Hồi; ô nhiễm môi trường tại Trang trại chăn nuôi heo của Hộ kinh doanh Phạm Thị Tuyền thuộc xã Đăk Ruồng, huyện Kon Rẫy; hành vi đổ thải tại Dự án sắp xếp, ổn định dân cư tại chỗ xã Mường Hoong, huyện Đăk Glei, tỉnh Kon Tum; hành vi đổ chất thải ra môi trường của Nhà máy chế biến tinh bột sắn VINA Kon Tum;

+ Thông tin phản ánh của cử tri: ô nhiễm môi trường tại Nhà máy chế

Sở Giao thông vận tải đã tổ chức khắc phục tạm và đảm bảo giao thông, thông tuyến, phục vụ nhu cầu đi lại của Nhân dân; đồng thời tổ chức cắm biển cảnh báo tại các khu vực nguy hiểm và các điểm bị sạt lở hư hỏng nặng chưa được khắc phục để Nhân dân biết phòng tránh khi tham gia giao thông. Đối với các tuyến đường liên thôn, liên xã, đường đi khu sản xuất thuộc các huyện, Ủy ban nhân dân các huyện chỉ đạo khắc phục tạm nhằm phục vụ nhu cầu đi lại của nhân dân trên địa bàn.

⁽⁵⁾ Tại Công văn số 1300/UBND-NNTN ngày 05 tháng 5 năm 2022 về việc theo dõi, xử lý động đất tại huyện Kon Plông; Công văn số 1163/UBND-NNTN ngày 22 tháng 4 năm 2022 về việc triển khai Công văn số 2502/VPCP-NN ngày 20 tháng 4 năm 2022 của Văn phòng Chính phủ về động đất trên địa bàn Kon Plông, tỉnh Kon Tum; Công văn số 1125/UBND-NNTN ngày 20 tháng 4 năm 2022 về việc tăng cường theo dõi dư chấn động đất trên địa bàn huyện Kon Plông; Công Văn số 1398/UBND-NNTN ngày 12 tháng 5 năm 2022 về việc tăng cường theo dõi, đảm bảo an toàn công trình và vùng hạ du hồ chứa thủy điện, thủy lợi trên địa bàn huyện Kon Plông; Công văn số 2788/UBND-NNTN ngày 25 tháng 8 năm 2022 về việc triển khai thực hiện Công điện số 750/CD-TTg ngày 23 tháng 8 năm 2022 Thủ tướng Chính phủ về việc ứng phó động đất tại khu vực huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum; Công văn số 1141/UBND-NNTN ngày 08 tháng 4 năm 2021 về việc dư chấn động đất trên địa bàn huyện Kon Plông; Công văn số 1311/UBND-NNTN ngày 26 tháng 4 năm 2021 về việc tăng cường theo dõi dư chấn động đất trên địa bàn tỉnh; Công văn số 1095/VP-NNTN ngày 22 tháng 4 năm 2021 và Công văn số 980/VPUb-NNTN ngày 13 tháng 4 năm 2021 của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh về việc dư chấn động đất trên địa bàn tỉnh.

⁽⁶⁾ Báo điện tử Tuổi trẻ Thủ đô số ra ngày 17/8/2023 phản ánh “Kon Tum: Người dân vùng biên khốn khổ vì trại nuôi heo gây mùi hôi thối”; Báo Thanh tra đăng tải bài viết “Kon Tum: Hàng chục hộ dân khốn khổ vì trại heo xả thải gây ô nhiễm môi trường”; Báo Tầm nhìn số ra ngày 19/5/2023 phản ánh “Kon Tum: Có dung túng cho hành vi đổ thải xây dựng tràn lan ở Mường Hoong”; Báo VietNamNet số ra ngày 27/9/2023 phản ánh “Kon Tum: Nhà máy chế biến tinh bột sắn đổ chất thải ra môi trường”; Báo Dân tộc và Phát triển số ra ngày 12/10/2023 phản ánh “Kon Tum: Lò giết mổ tập trung gây ô nhiễm môi trường”.

biển tinh bột sắn của Công ty CP Phương Hoa Kon Tum thuộc xã Đăk Kroong, huyện Đăk Glei; ô nhiễm môi trường tại nhà máy sản xuất viên nén năng lượng của Công ty TNHH MTV Năng lượng An Việt Phát thuộc Khu công nghiệp Hòa Bình, tổ 5, phường Lê Lợi thành phố Kon Tum; vệ sinh môi trường tại Nghĩa trang nhân dân thành phố Kon Tum; ô nhiễm môi trường tại Nhà máy chế biến mủ cao su Duy Tân của Công ty cổ phần đầu tư phát triển Duy Tân.

+ Kết quả xử lý như sau:

-> Ô nhiễm môi trường tại Trang trại chăn nuôi heo của Hộ kinh doanh Phạm Thị Tuyền: Liên ngành tiến hành kiểm tra; phát hiện hành vi xây dựng không đúng, không đủ các công trình xử lý chất thải, Ủy ban nhân dân huyện Kon Rẫy đã ban hành Quyết định số 05/QĐ-XPHC ngày 08 tháng 9 năm 2023 xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực BVMT, tổng số tiền phạt vi phạm hành chính là 35.000.000 đồng. Hộ kinh doanh đã chấp hành nộp phạt và cam kết triển khai các biện pháp khắc phục hậu quả theo quy định.

-> Ô nhiễm môi trường tại Trang trại nuôi heo Hộ kinh doanh Hồ Xuân Lâm: Thanh tra Sở Tài nguyên và Môi trường đã ban hành Quyết định số 11/QĐ-VPHC ngày 28 tháng 8 năm 2023 xử phạt vi phạm hành chính về lĩnh vực đất đai và BVMT đối với Hộ kinh doanh Hồ Xuân Lâm tổng số tiền phạt vi phạm hành chính là 46.383.663 đồng. Hộ kinh doanh Hồ Xuân Lâm đã chấp hành nộp phạt đồng thời thực hiện các biện pháp khắc phục hậu quả theo quy định.

-> Ô nhiễm môi trường tại Nhà máy chế biến tinh bột sắn của Công ty CP Phương Hoa Kon Tum: Liên ngành đã tiến hành kiểm tra và lấy mẫu quan trắc môi trường, kết quả thông số gây mùi khó chịu trong không khí (H_2S và NH_3) đều đạt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về một số chất độc hại trong không khí xung quanh. Ngoài ra, đoàn kiểm tra cũng đã yêu cầu Nhà máy có các giải pháp để giảm thiểu mùi hôi đặc trưng của loại hình sản xuất chế biến tinh bột sắn.

-> Đồ thải tại Dự án sắp xếp, ổn định dân cư tại chỗ xã Mường Hoong, huyện Đăk Glei, tỉnh Kon Tum: Hiện Thanh tra tỉnh đang tiến hành thanh tra toàn bộ dự án.

-> Đồ thải của Nhà máy chế biến tinh bột sắn VINA Kon Tum: Tổ kiểm tra của xã Sa Nhơn, huyện Sa Thầy đã kiểm tra, phát hiện hành vi đổ chất thải rắn thông thường trái quy định về bảo vệ môi trường, Ủy ban nhân dân xã Sa Nhơn đã ban hành Quyết định số 79/QĐ-XPHC ngày 02 tháng 10 năm 2023 xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực BVMT, tổng số tiền phạt vi phạm hành chính là 7.000.000 đồng. Công ty CP Xuất nhập khẩu nông sản Vi Na đã chấp hành nộp phạt và cam kết triển khai các biện pháp khắc phục hậu quả theo quy định.

-> Ô nhiễm môi trường tại nhà máy sản xuất viên nén năng lượng của Công ty TNHH MTV Năng lượng An Việt Phát: Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh đã tiến hành kiểm tra và lấy mẫu phân tích không khí xung quanh và tiếng ồn, kết quả phân tích mẫu bụi lơ lửng không vượt so với quy chuẩn, tiếng ồn vượt

quy chuẩn cho phép. Trên cơ sở kết quả kiểm tra, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh đã yêu cầu chủ cơ sở có giải pháp triệt để giảm thiểu tiếng ồn, đặc biệt là hạn chế vận hành sản xuất trong giờ cao điểm.

-> Vệ sinh môi trường tại Nghĩa trang nhân dân thành phố Kon Tum: Theo Báo cáo của Ủy ban nhân dân thành phố Kon Tum, Nghĩa trang Nhân dân thành phố Kon Tum được Ủy ban nhân dân thành phố giao Công ty Cổ phần Môi trường đô thị Kon Tum quản lý, các khu vực cấp đất mai táng, cải táng đảm bảo khoảng cách an toàn về môi trường tính từ khu huyết mộ chôn cất một lần tới các công trình nhà ở tại đô thị và điểm dân cư nông thôn tập trung là khu dân cư của thôn 1, xã Đắk La, huyện Đắk Hà đảm bảo khoảng cách tối thiểu 500 m.

-> Ô nhiễm môi trường tại Nhà máy chế biến mủ cao su Duy Tân: Liên ngành đã tiến hành kiểm tra và lấy mẫu quan trắc môi trường, kết quả phân tích một số chỉ tiêu bụi và khí độc tại khu dân cư và trước cổng Nhà máy cho thấy tất cả các thông số gây mùi khó chịu trong không khí (NO_2 và NH_3) đều đạt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về một số chất độc hại trong không khí xung quanh. Ngoài ra, đoàn kiểm tra cũng đã yêu cầu Nhà máy có các giải pháp để giảm thiểu mùi hôi đặc trưng của loại hình sản xuất chế biến mủ cao su.

+ Phản ánh của người dân, báo chí liên quan đến vấn đề môi trường đã được Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp với các đơn vị liên quan kịp thời xử lý; công tác khắc phục đã được các cơ sở và các đơn vị có liên quan triển khai, hiện nay không còn tình trạng ô nhiễm môi trường tại các cơ sở nêu trên.

5. Báo cáo kết quả về việc lộ trình chuyển đổi các làng nghề thành cụm công nghiệp, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung theo quy định:

Hiện nay, tỉnh Kon Tum chưa có làng nghề nào đạt tiêu chuẩn làng nghề theo quy định. Tuy nhiên, trên địa bàn tỉnh có một số địa phương đang hoạt động làng nghề, nghề truyền thống, làng nghề truyền thống. Nhìn chung, các làng nghề được hình thành dưới hình thức là làng có nghề, chủ yếu là tự phát theo từng hộ gia đình; việc hoạt động chủ yếu tạo việc làm cho những lúc nông nhàn; chưa tạo ra sản phẩm hàng hóa nhiều, nên chưa làm ảnh hưởng đến ô nhiễm làng nghề.

6. Bảo vệ môi trường di sản thiên nhiên, đa dạng sinh học

a) Công tác triển khai Quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học:

- Triển khai Quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học: Nội dung bảo tồn đa dạng sinh học được tích hợp trong Quy hoạch tỉnh Kon Tum thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và Quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học Quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đang được các cấp có thẩm quyền xây dựng hoàn thiện.

b) Phát triển, mở rộng hệ thống di sản thiên nhiên, khu bảo tồn thiên nhiên và các danh hiệu quốc tế về bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học:

- Hiện tại trên địa bàn tỉnh Kon Tum có 02 khu bảo tồn bao gồm: VQG Chư

Mom Ray và KBTTN Ngọc Linh; 02 khu được Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á trao danh hiệu Vườn di sản ASEAN. Hiện nay, VQG Chư Mom Ray đang lập hồ sơ đề cử công nhận khu dự trữ sinh quyển.

- Riêng đối với Rừng đặc dụng Đắk Uy, theo Quyết định 523/QĐ-UBND ngày 03 tháng 10 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học trên địa bàn tỉnh Kon Tum đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030 sẽ được nâng cấp thành Khu bảo tồn loài và sinh cảnh Đắk Uy.

c) Tăng cường công tác bảo tồn loài hoang dã nguy cấp, nguy hiểm:

- Công tác điều tra, thống kê hiện trạng, quan trắc, lập danh mục các loài nguy cấp, quý, hiếm được thực hiện thông qua việc thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học, phát hiện trong quá trình tuần tra, truy quét bảo vệ rừng hoặc tham gia phối hợp các đoàn đến nghiên cứu bảo tồn đa dạng sinh học tại tỉnh. Một số loài nằm trong danh mục các loài nguy cấp, quý, hiếm trên các lâm phần quản lý của các đơn vị chủ rừng phát hiện như: Chồn bay, Cu lớn, Cu li nhỏ, Voọc chà vá chân xám, Voọc chà vá chân nâu, Voọc chà vá chân nâu, Vượn má vàng Trung bộ, vượn đen má vàng, Bò rừng, bò tót, Cây vằn, Tê tê vàng, Khướu Ngọc Linh, Sâm Ngọc Linh,...

- Ngoài ra, trên địa bàn tỉnh có các cơ sở là hộ gia đình có nuôi động vật hoang dã nguy cấp quý, hiếm vì mục đích thương mại; các cơ sở này được quản lý thông qua mã số cơ sở do Cơ quan Quản lý CITES cấp hoặc Chi cục Kiểm lâm; Hạt Kiểm lâm các huyện, thành phố chịu trách nhiệm giám sát, kiểm soát chặt chẽ các cơ sở trên địa bàn quản lý về số lượng xuất, nhập và định kỳ hằng tháng báo cáo Chi cục Kiểm lâm về số liệu đầu vật nuôi, tình hình công tác quản lý để Chi cục Kiểm lâm chỉ đạo kịp thời.

- Công tác tuyên truyền cho người dân về bảo vệ rừng và bảo vệ động vật hoang dã được thực hiện thường xuyên; tuần tra, truy quét để phát hiện, ngăn chặn và xử lý kịp các vụ vi phạm liên quan đến lĩnh vực Lâm nghiệp qua đó góp phần nâng cao hiệu quả trong công tác bảo tồn loài hoang dã nguy cấp, quý hiếm.

d) Quản lý nguồn gen và an toàn sinh học, phục hồi phát triển hệ sinh thái tự nhiên:

- Triển khai thực hiện các nhiệm vụ về quản lý bảo vệ rừng, bảo vệ động vật hoang dã góp phần thực hiện có hiệu quả các Kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh: số 3527/KH-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2017 triển khai thực hiện Quyết định số 628/QĐ-TTg ngày 15 tháng 10 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Kế hoạch hành động khẩn cấp bảo tồn các loài linh trưởng ở Việt Nam đến năm 2025, tầm nhìn 2030 trên địa bàn tỉnh; số 667/KH-UBND ngày 08 tháng 3 năm 2020 về thực hiện Chương trình bảo tồn các loài rùa nguy cấp của Việt Nam hiện có trên địa bàn tỉnh đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030.

- Triển khai thực hiện Dự án Bảo vệ, khôi phục và phát triển rừng bền vững tỉnh Kon Tum giai đoạn 2021 - 2025 và Đề án phát triển lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2021 - 2025, tầm nhìn đến 2030 góp phần thực hiện có hiệu quả Kế hoạch hành động số 1034/KH-UBND ngày 14 tháng 4 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về đa dạng sinh học tỉnh Kon Tum đến năm 2030 tầm nhìn đến năm 2050.

- Thực hiện các Đề án đầu tư, phát triển và chế biến dược liệu trên địa bàn tỉnh Kon Tum đến năm 2020, định hướng đến năm 2030; thực hiện Phương án giao rừng, cho thuê rừng để bảo vệ và phát triển rừng bền vững kết hợp với kinh doanh cảnh quan du lịch, sản xuất nông lâm nghiệp dưới tán rừng trên địa bàn tỉnh Kon Tum để chia sẻ lợi ích từ dịch vụ sinh thái rừng, cải thiện đời sống vươn lên làm giàu chính đáng từ nghề rừng.

- Thực hiện tuyên truyền về bảo vệ động vật hoang dã; tuần tra, truy quét, ngăn chặn việc bẫy, bắt, săn bắn động vật rừng, kiểm tra các nhà hàng, quán ăn có dấu hiệu kinh doanh động vật rừng và tiến hành xử lý nghiêm đối với cơ sở vi phạm.

- Số liệu về bảo vệ môi trường di sản thiên nhiên, đa dạng sinh học: *Tại Phụ lục IV kèm theo.*

IV. Xây dựng chính sách, pháp luật, giải quyết thủ tục hành chính, giám sát, kiểm tra, thanh tra, xử lý vi phạm pháp luật, giải quyết khiếu nại, tố cáo về môi trường; tuyên truyền, phổ biến pháp luật về BVMT

1. Xây dựng chính sách, pháp luật, hướng dẫn tổ chức thực hiện:

Từ đầu năm đến nay, Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo các cơ quan chuyên môn tham mưu ban hành các văn bản phục vụ kịp thời trong công tác quản lý nhà nước về lĩnh vực BVMT⁷.

⁷ Tham mưu Tỉnh ủy có Báo cáo số 373-BC/TU ngày 20/6/2023 gửi Ban cán sự đảng Bộ Tài nguyên và Môi trường về tổng kết việc thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW, ngày 03-6-2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng và Kết luận số 56-KL/TW, ngày 23-8-2019 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khóa XI “về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường”; Quyết định số 13/2023/QĐ-UBND ngày 04/4/2023 về ban hành quy định về quản lý chất thải trên địa bàn tỉnh Kon Tum; Quyết định số 24/2023/QĐ-UBND ngày 09/5/2023 về ban hành quy định về quản lý chất thải rắn xây dựng trên địa bàn tỉnh Kon Tum; Quyết định số 35/2023/QĐ-UBND ngày 30/6/2023 quy định về tuyến đường, thời gian vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt, tuyến đường, thời gian vận chuyển chất thải rắn công nghiệp thông thường phải xử lý, chất thải nguy hại trên địa bàn tỉnh Kon Tum; Kế hoạch số 1639/KH-UBND ngày 07/6/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về triển khai thực hiện Chương trình số 57-CTr/TU ngày 28/4/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 30/01/2023 của Bộ Chính trị “về phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học phục vụ phát triển bền vững trong tình hình mới”; Văn bản số 945/UBND-NNTN ngày 03/4/2023 V/v triển khai các quy định pháp luật về giảm nhẹ phát thải khí nhà kính trên địa bàn tỉnh; Văn bản số 154/UBND-NNTN ngày 18/01/2023 V/v tăng cường công tác kiểm soát, giám sát chặt chẽ nguồn thải và bảo đảm vệ sinh môi trường trong dịp Tết Nguyên đán Quý Mão năm 2023; Văn bản số 222/UBND-NNTN ngày 30/01/2023 V/v triển khai thực hiện chính sách, pháp luật về ứng phó với biến đổi khí hậu; Văn bản số 566/UBND-NNTN ngày 06/03/2023 V/v thực hiện chính sách, pháp luật về quản lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh; Văn bản số 2099/UBND-NNTN ngày 05/7/2023 V/v triển khai các nhiệm vụ, giải pháp về ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Kon Tum; Văn bản số 2822/UBND-NNTN ngày 29/8/2023 V/v tăng cường công tác phòng ngừa, ứng phó các sự cố môi trường trong mùa mưa bão; Văn bản số 3385/UBND-NNTN ngày 06/10/2023 V/v ngăn chặn tình trạng tận diệt giun đất, hủy hoại môi trường trồng trọt; Văn bản số 3392/UBND-NNTN ngày 06/10/2023 V/v tiếp tục tăng cường công tác bảo tồn các loài chim hoang dã, di cư trên địa bàn tỉnh.

- Đối với công tác ban hành văn bản quy phạm pháp luật địa phương: Hiện nay, Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp với Sở Tài chính tổ chức, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành: (1) Quy định mức thu, đơn vị tính phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Kon Tum; (2) Phân định các nhiệm vụ chi về bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

- Công tác hướng dẫn, tổ chức thực hiện các quy hoạch về môi trường của quốc gia trên địa bàn: Hiện nay, Quy hoạch Bảo vệ môi trường quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đang được Bộ Tài nguyên và Môi trường hoàn thiện hồ sơ trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, tổ chức thực hiện.

- Đánh giá chung công tác xây dựng và thực thi các văn bản pháp luật do địa phương ban hành, những tồn tại, nguyên nhân khách quan/chủ quan trong việc thực thi pháp luật:

+ Trên cơ sở các nhiệm vụ được luật giao, Ủy ban nhân dân tỉnh đã kịp thời chỉ đạo các cơ quan chuyên môn triển khai soạn thảo, tổ chức lấy ý kiến rộng rãi và giao Sở Tư pháp tổ chức thẩm định các dự thảo văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh đảm bảo đúng quy trình, thủ tục; thường xuyên kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật do địa phương ban hành để kịp thời tham mưu sửa đổi, bổ sung, ban hành mới cho phù hợp với hệ thống pháp luật hiện hành và thực tiễn của địa phương. Mặt trận và các đoàn thể đã phát huy vai trò giám sát, phản biện xã hội, nhất là trong việc nghiên cứu, đánh giá nhu cầu, hoạch định chính sách, hoàn thiện hệ thống pháp luật ở địa phương, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước bằng pháp luật. Các sở, ban ngành, địa phương đã có sự phối hợp chặt chẽ trong việc tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành hoặc trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành các văn bản quy phạm pháp luật tuân thủ nghiêm túc quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Do đó, các văn bản do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành phù hợp với các văn bản quy phạm pháp luật của Trung ương và Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cùng cấp và tình hình kinh tế - xã hội của địa phương, phù hợp với đối tượng tác động của văn bản, vì vậy văn bản sau khi ban hành mang tính khả thi cao.

+ Khó khăn, hạn chế: Lực lượng cán bộ làm công tác môi trường trên địa bàn tỉnh còn mỏng, ít có kinh nghiệm trong công tác pháp chế, do đó, trong việc tham mưu ban hành các văn bản pháp luật của địa phương còn gặp nhiều hạn chế. Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 được ban hành (*có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2022*) và giao địa phương ban hành các văn bản pháp luật phù hợp với tình hình thực tế của từng địa phương đảm bảo triển khai kịp thời Luật Bảo vệ môi trường. Tuy nhiên, một số hướng dẫn kỹ thuật, định mức liên quan vẫn chưa được các Bộ chuyên ngành ban hành nên địa phương chưa có cơ sở để tổ chức xây dựng văn bản của địa phương.

2. Giải quyết thủ tục hành chính:

- Số lượng thủ tục hành chính đã giải quyết trong năm theo từng loại thủ tục. Chi tiết hồ sơ về môi trường đã phê duyệt và xác nhận:

+ Thủ tục hành chính cấp tỉnh: Sở Tài nguyên và Môi trường đã tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt 15 hồ sơ báo cáo đánh giá tác động môi trường và cấp 06 giấy phép môi trường.

+ Thủ tục hành chính cấp huyện: Ủy ban nhân dân cấp huyện đã cấp 24 giấy phép môi trường.

(Hồ sơ TTHC được phê duyệt, cấp phép trong năm tại Phụ lục V kèm theo)

- Đánh giá những tồn tại, nguyên nhân khách quan/chủ quan trong giải quyết các thủ tục hành chính.

Hầu hết các Hồ sơ thủ tục hành chính liên quan đến lĩnh vực môi trường đều được giải quyết đúng thời hạn, đúng quy định. Tuy nhiên trong quá trình thực hiện còn một số hạn chế sau:

+ Xảy ra tình trạng hệ thống thông tin một cửa điện tử bị lỗi, có lúc không chuyển được hồ sơ hoặc chuyển được nhưng chậm gây mất nhiều thời gian.

+ Hồ sơ tiếp nhận trực tuyến mức độ 4: tổ chức/cá nhân chưa thực hiện cấp bản sao điện tử từ sổ gốc hoặc chứng thực bản sao điện tử từ bản chính đối với các hồ sơ, tài liệu gửi kèm nên chưa đảm bảo giá trị pháp lý của hồ sơ.

+ Số lượng hồ sơ TTHC nhiều, tuy nhiên số lượng cán bộ công chức xử lý còn ít.

3. Giám sát, kiểm tra, thanh tra, xử lý vi phạm pháp luật, giải quyết khiếu nại, tố cáo về môi trường:

- Đối với thanh tra, xử lý vi phạm, giải quyết khiếu nại, tố cáo về môi trường:

+ Trong 9 tháng năm 2023, Thanh tra Sở Tài nguyên và Môi trường kiểm tra và phát hiện một số cơ sở có hành vi vi phạm lĩnh vực môi trường cụ thể:

-> Xử phạt vi phạm hành chính đối với Công ty TNHH GKC đã có hành vi thực hiện không đúng, không đầy đủ một trong các nội dung quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường (*cụ thể: nâng công suất dự án*) với số tiền 70.000.000 đồng

-> Xử phạt vi phạm hành chính đối với Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh đã có hành vi thực hiện không đúng, không đầy đủ một trong các nội dung quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định (*cụ thể: đã có hành vi đổ thải không đúng các vị trí đổ thải theo Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường*) với số tiền 90.000.000 đồng.

-> Xử phạt vi phạm hành chính đối với Công ty Cổ phần thủy điện Thiên Tân đã có hành vi thực hiện không đúng, không đầy đủ một trong các nội dung quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường (*cụ thể: đã có hành vi đổ thải không đúng các vị trí đổ thải theo Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường*) với số tiền 90.000.000 đồng.

-> Xử phạt hành chính đối với Công ty Cổ phần đầu tư thủy điện Đức Bảo đã có hành vi thực hiện không đúng, không đầy đủ một trong các nội dung theo quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường (*cụ thể: đã có hành vi đổ thải không đúng các vị trí đổ thải theo Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường*) với số tiền 90.000.000 đồng.

+ Ngoài ra, Ủy ban nhân dân các huyện, Thanh tra Sở Tài nguyên và Môi trường đã tiến hành xử phạt vi phạm hành chính đối với các Hộ chăn nuôi heo và Nhà máy chế biến tinh bột sắn VINA (*đề cập tại mục III.4*).

- Từ đầu năm đến nay chưa nhận được đơn thư khiếu nại tố cáo liên quan đến lĩnh vực môi trường.

4. Tuyên truyền, giáo dục về BVMT: Kết quả các hoạt động tuyên truyền, phổ biến pháp luật, các hoạt động truyền thông nâng cao nhận thức, ý thức, trách nhiệm về BVMT

Công tác tuyên truyền, phổ biến các quy định của Luật Bảo vệ môi trường ứng phó với biến đổi khí hậu, bảo tồn đa dạng sinh học được thực hiện dưới nhiều hình thức đa dạng:

- Đã triển khai phổ biến bằng văn bản đến các địa phương và được đăng tải, cập nhật Trang thông tin điện tử của Sở Tài nguyên và Môi trường.

- Được triển khai đến nhiều đối tượng thông qua các chương trình phối hợp giữa Sở Tài nguyên và Môi trường và các đoàn thể, tổ chức chính trị xã hội như: UBMT Tổ quốc Việt Nam, Tỉnh đoàn, Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh, Liên minh HTX tỉnh, Hội nông dân tỉnh, Hội Cựu chiến binh tỉnh, Hội Người cao tuổi tỉnh... Thông qua đó góp phần nâng cao ý thức, trách nhiệm của cộng đồng dân cư, doanh nghiệp trong bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên tiết kiệm, hợp lý và có hiệu quả.

- Các sở, ban ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố đã tổ chức thường xuyên hằng năm các hoạt động hưởng ứng Ngày Đa dạng sinh học 22/5, Ngày Môi trường thế giới 05/6, Lễ phát động Tết trồng cây đời đời nhớ ơn Bác Hồ, Ngày Quốc tế bảo vệ tầng Ozon 16/9, Chiến dịch làm cho Thế giới sạch hơn, Phong trào chống rác thải nhựa... bằng các hoạt động thiết thực như: tổ chức lễ mítting, diễu hành hưởng ứng, phát hành poster, áo mũ tuyên truyền, treo băng rôn, khẩu hiệu,... đã thu hút đông đảo cán bộ công chức, các tầng lớp Nhân dân hưởng ứng, tham gia trồng cây xanh, thu gom rác thải, nạo vét kênh mương, khơi thông cống rãnh các công trình công cộng, dọn vệ sinh nơi cư trú, cụm dân cư và dọn phát quang dọc các tuyến đường giao thông, nói không với sản phẩm nhựa sử dụng một lần và túi ni lông khó phân hủy... Qua hoạt động của các chiến dịch về BVMT đã từng bước nâng cao nhận thức của cộng đồng, góp phần BVMT ngày càng có hiệu quả.

- Xây dựng nhiều phóng sự, bài viết tuyên truyền về BVMT trên báo, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh. Nêu gương những việc làm tốt, người làm tốt các phong trào BVMT tại khu dân cư, góp phần nâng cao nhận thức về BVMT

của cộng đồng dân cư, vận động toàn dân tham gia giữ gìn vệ sinh môi trường, bảo vệ các nguồn tài nguyên, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu.

V. Hệ thống quan trắc và cảnh báo về môi trường:

Công tác quan trắc môi trường được thực hiện định kỳ, tuy nhiên thực hiện bằng hình thức thủ công chưa đầu tư xây dựng trạm quan trắc tự động và cảnh báo môi trường.

VI. Điều kiện và nguồn lực về BVMT

1. Nguồn nhân lực (*Số lượng cán bộ, công chức, viên chức làm công tác BVMT trên địa bàn*)

- Hiện nay, có 118 công chức, cán bộ làm công tác quản lý bảo vệ môi trường, thuộc các đơn vị:

+ Phòng Môi trường thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường. Bên cạnh còn có các phòng ban, trung tâm trực thuộc Sở (*Thanh tra Sở, Trung tâm Quan trắc tài nguyên và môi trường*) phối hợp hỗ trợ trong công tác BVMT.

+ Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh.

+ Phòng Tài nguyên và Môi trường thuộc các huyện và thành phố.

+ Cấp xã: Chưa có cán bộ chuyên trách về môi trường, cán bộ địa chính - đô thị - xây dựng kiêm nhiệm công tác BVMT.

- Ngoài ra còn có lực lượng Công an tỉnh thực hiện chức năng phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn, đấu tranh chống tội phạm và vi phạm hành chính về môi trường.

Trình độ chuyên môn của cán bộ làm công tác BVMT: Hầu hết cán bộ, công chức, viên chức làm công tác BVMT có trình độ đại học trở lên. Tuy nhiên, ở cấp xã, phường, thị trấn chưa có cán bộ chuyên trách về môi trường (*cán bộ địa chính - đô thị - xây dựng xã, phường kiêm nhiệm*) thực hiện công tác quản lý về lĩnh vực BVMT do đó công tác quản lý còn hạn chế.

2. Nguồn lực tài chính (tổng kinh phí cho các hoạt động BVMT, trong đó nêu rõ kinh phí từ các nguồn sự nghiệp môi trường, đầu tư phát triển, khoa học công nghệ, hợp tác quốc tế, xã hội hóa...)

- Chi ngân sách từ nguồn kinh phí sự nghiệp BVMT trong năm 2023 là 120,539 tỷ đồng, đảm bảo tỷ lệ cao hơn 1% tổng chi ngân sách nhà nước hằng năm theo quy định. Kinh phí sự nghiệp môi trường tập trung chủ yếu vào các nội dung như: chi thường xuyên sự nghiệp môi trường; chính sách thực hiện sự nghiệp môi trường; quan trắc mạng lưới môi trường; hỗ trợ trang thiết bị, phương tiện thu gom rác thải sinh hoạt, vệ sinh môi trường ở khu dân cư. Ngoài ra, kinh phí môi trường còn được phân bổ thực hiện các nhiệm vụ như xây dựng báo cáo hiện trạng môi trường; tuyên truyền, phổ biến pháp luật nâng cao nhận thức về BVMT; tổ chức các ngày lễ, chiến dịch về môi trường; thanh kiểm tra, xử lý vi phạm pháp luật về môi trường; xử lý các sự cố môi trường, khắc phục môi trường sau lũ lụt...

- Trong năm 2023, nhiệm vụ khoa học và công nghệ do Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt không có nhiệm vụ liên quan đến các hoạt động BVMT. Tuy nhiên, trong năm 2022, Sở Khoa học và Công nghệ giao cho Trường Cao đẳng Kon Tum thực hiện đề tài: “*Nghiên cứu ứng dụng vi tảo xử lý môi trường nước thải trong nuôi trồng thủy sản nước ngọt trên địa bàn tỉnh Kon Tum*”, với tổng mức kinh phí là: 1.035.000.000 đồng, trong đó: Nguồn kinh phí sự nghiệp khoa học công nghệ cấp tỉnh: 663.000.000 đồng; Nguồn kinh phí khác (*đối ứng của đơn vị chủ trì*): 372.000.000 đồng. Thời gian thực hiện đề tài từ năm 2022 - 2024, hiện đề tài đang tiếp tục triển khai thực hiện.

VII. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu thống kê về môi trường:

- Tổng hợp, báo cáo các chỉ tiêu thống kê môi trường quốc gia trong danh mục các chỉ tiêu thống kê quốc gia của Luật Thống kê: *Phụ lục A kèm theo.*

- Tổng hợp, báo cáo bộ chỉ tiêu thống kê môi trường của ngành tài nguyên và môi trường theo quy định của pháp luật hiện hành: *Phụ lục B kèm theo.*

- Tổng hợp các chỉ tiêu trong bộ chỉ số đánh giá kết quả BVMT của địa phương theo hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường về đánh giá kết quả công tác BVMT của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương: *Phụ lục C kèm theo.*

VIII. Đánh giá chung

1. Tổng kết, đánh giá chung về chất lượng môi trường trên địa bàn của năm đánh giá; xác định những nguyên nhân, nguồn tác động chính ảnh hưởng đến chất lượng môi trường:

Nhìn chung, chất lượng các thành phần môi trường trên địa bàn tỉnh 9 tháng đầu năm 2023 tương đối tốt, chưa bị ảnh hưởng nhiều bởi các hoạt động sản xuất, sự phát triển dân cư, đô thị và quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa của con người. Cụ thể:

- Môi trường không khí: Chất lượng môi trường không khí khá tốt và ổn định, giá trị quan trắc của các thông số đều nằm trong giới hạn cho phép của quy chuẩn kỹ thuật hiện hành về chất lượng không khí xung quanh.

- Tiếng ồn, độ rung: Mức gia tốc rung tại tất cả các vị trí quan trắc đều đảm bảo giới hạn tối đa cho phép theo quy định. Mức âm tương đương (L_{Aeq}) hầu hết đạt giới hạn tối đa cho phép, tuy nhiên mức âm tương đương cực đại (L_{Amax}) khá cao tại các vị trí trung tâm đô thị, khu vực sản xuất, các tuyến đường lớn có mật độ phương tiện vận tải, lưu thông nhiều.

- Đối với môi trường nước mặt: Chất lượng môi trường nước mặt tương đối ổn định và cơ bản đảm bảo quy định giới hạn tối đa về chất lượng nước mặt. Riêng tại một số khu vực chất lượng nước có dấu hiệu bị ảnh hưởng bởi các thông số Fe, BOD₅, COD nguyên nhân tại một số khu vực có sẵn thành phần Fe trong cấu tạo địa chất tự nhiên nên hòa tan vào nước mặt và do các hoạt động sản xuất, sinh hoạt của người dân ảnh hưởng chất lượng môi trường nước mặt.

- Đối với môi trường nước dưới đất: Chất lượng nước dưới đất trong năm

2023 cơ bản đảm bảo giới hạn cho phép của các Quy chuẩn hiện hành về chất lượng nước dưới đất và nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt. Tuy nhiên vẫn có một vài nơi có dấu hiệu bị ảnh hưởng bởi hàm lượng Fe và $\text{NH}_4^+\text{-N}$ nên trước khi sử dụng cho mục đích sinh hoạt cần phải có biện pháp xử lý phù hợp.

- Đối với môi trường đất: Chất lượng môi trường đất chưa bị ảnh hưởng bởi các thông số kim loại nặng trong đất; riêng hàm lượng chất dinh dưỡng trong đất chưa đảm bảo do chịu tác động từ hoạt động sản xuất nông nghiệp và công nghiệp (*đại diện là N tổng, P tổng tại đa số vị trí không đạt TCVN 7373:2004, TCVN 7374:2004*). Cần có kế hoạch canh tác, cải tạo đất, bón phân phù hợp và thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường đất, quản lý chất thải rắn, sử dụng nguồn nước tưới tiêu đảm bảo,...

2. Tổng hợp, đánh giá chung về những kết quả đạt được trong công tác BVMT của năm đánh giá; những vấn đề môi trường hoặc các hoạt động BVMT chính được giải quyết, xử lý; những tồn tại, bất cập, hạn chế và nguyên nhân:

Được sự quan tâm chỉ đạo sát sao, kịp thời của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo các đơn vị liên quan thực hiện tốt trong công tác quản lý nhà nước về BVMT và đã đạt được một số kết quả như sau:

- Về cơ bản, tổ chức bộ máy cơ quan quản lý nhà nước về BVMT đã có những bước sắp xếp, kiện toàn theo Nghị định số 107/2020/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

- Đầu tư cho BVMT đã có những chuyển biến tích cực, tổng ngân sách sự nghiệp BVMT trên địa bàn tỉnh được tăng dần theo từng năm và luôn được đảm bảo bố trí không thấp hơn 1% tổng chi ngân sách nhà nước.

- Đã ban hành nhiều Văn bản quy phạm pháp luật của địa phương để tổ chức triển khai Luật bảo vệ môi trường năm 2020 và các Văn bản dưới Luật, các văn bản được ban hành cơ bản phù hợp với tình hình thực tế của địa phương, từng bước đưa công tác BVMT trên địa bàn tỉnh đi dần vào nề nếp.

- Cộng đồng, doanh nghiệp đã có nhiều chuyển biến tích cực về nhận thức, ý thức chấp hành pháp luật về môi trường. Từng bước kiểm soát lưu lượng và chất lượng nước thải từ các KCN và các nguồn thải lớn⁸ thông qua hệ thống quan trắc nước thải tự động liên tục.

- Công tác quản lý chất thải rắn sinh hoạt nhận được sự quan tâm từ các cấp, các ngành và toàn xã hội. Triển khai nhiều giải pháp đồng bộ về quản lý

⁸ KCN Hòa Bình, KCN Sao Mai, CCN Đắk Bla, các cơ sở sản xuất có phát sinh chất thải,...

chất thải như: thực hiện lộ trình và giải pháp tái chế, tái sử dụng rác thải thay cho chôn lấp; tỷ lệ thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn nguy hại và chất thải y tế đều đạt các chỉ tiêu tại Nghị quyết của Tỉnh ủy.

- Hoạt động thanh tra, kiểm tra có những chuyển biến tích cực, công tác thanh tra, kiểm tra đã được triển khai một cách thường xuyên, liên tục, có trọng tâm, trọng điểm. Duy trì đường dây nóng (*trên Website, điện thoại...*) tiếp nhận thông tin phản ánh, kiến nghị của cộng đồng dân cư và phản ánh của báo chí về ô nhiễm môi trường trên địa bàn tỉnh. Qua đó những sai phạm trong công tác BVMT ở các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ đã được chấn chỉnh kịp thời.

- Mạng lưới quan trắc được hoàn thiện với đầy đủ các thành phần môi trường, công tác quan trắc các thành phần môi trường trong năm qua được thực hiện và hoàn thành theo khối lượng công việc đã được phê duyệt, kịp thời phản ánh chất lượng môi trường để các cấp chính quyền ra quyết định quản lý, công khai cảnh báo cộng đồng về chất lượng môi trường để có những biện pháp thích ứng phù hợp.

- Công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức về BVMT được thực hiện từ rất sớm với sự chủ động, tham gia tích cực của các cấp, các ngành bằng nhiều hình thức đa dạng, phong phú; phát huy vai trò, sức mạnh của các tổ chức chính trị xã hội, đoàn thể trong hoạt động giáo dục, nâng cao nhận thức cộng đồng. Đẩy mạnh triển khai Chương trình phòng chống rác thải nhựa, hướng dẫn phân loại rác thải tại nguồn.

- Cùng với chất lượng môi trường từng bước cải thiện, công tác bảo vệ, phục hồi các hệ sinh thái tự nhiên quan trọng, mở rộng diện tích các khu bảo tồn thiên nhiên, vườn quốc gia cũng có nhiều bước tiến. Cụ thể là đã chủ động kiểm soát được tác động tiêu cực của các dự án, hoạt động kinh tế tới thiên nhiên, đa dạng sinh học. Quy trình kiểm dịch động, thực vật nhập khẩu tại cửa khẩu Bờ Y được kiểm soát chặt chẽ nhằm ngăn ngừa các loài ngoại lai xâm hại.

*** Những tồn tại, hạn chế:**

Bên cạnh những kết quả đạt được, công tác quản lý nhà nước về BVMT trên địa bàn tỉnh vẫn còn một số tồn tại nhất định, như:

- Nhu cầu công nghệ, nguồn vốn để đầu tư hạ tầng kỹ thuật vệ sinh môi trường tại các đô thị⁹ hiện nay rất lớn và không ngừng phát triển, trong khi ngân sách địa phương chưa thể cân đối được, dẫn đến các công trình, dự án triển khai thường chậm, không đồng bộ.

- Quy hoạch hạ tầng kỹ thuật một số KCN, CCN còn bất cập, chưa đảm bảo quy định về khoảng cách vệ sinh từ các cơ sở sản xuất với khu vực dân cư xung quanh¹⁰ gây ô nhiễm mùi, ô nhiễm bụi, tiếng ồn... Ngoài ra, hầu hết các CCN trên địa bàn tỉnh do Ủy ban nhân dân cấp huyện làm chủ đầu tư, do vậy

⁹ Hệ thống thu gom, xử lý nước thải; thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải,...

¹⁰ KCN Hòa Bình, CCN - TTCN, làng nghề H'Nor...

nguồn vốn để thực hiện dự án không đủ để triển khai đầu tư xây dựng hạ tầng CCN, nhất là chưa đầu tư xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung CCN để thu gom xử lý nước thải của các cơ sở đang hoạt động trong CCN trước khi thải ra nguồn tiếp nhận.

- Ô nhiễm môi trường trong chăn nuôi nhất là các trang trại nuôi heo tập trung, chăn nuôi quy mô nông hộ vẫn còn diễn ra. Chăn nuôi heo là loại hình phát sinh nhiều chất thải gây ô nhiễm môi trường¹¹, nếu không có quy hoạch, không có giải pháp lựa chọn công nghệ BVMT phù hợp, sẽ gây ra hậu quả nặng nề về môi trường, tiềm ẩn nguy cơ phát sinh và lây lan dịch bệnh cho người và động vật nuôi; gây mất ổn định tình hình an ninh trật tự nông thôn.

- Việc triển khai thực hiện phân loại rác tại nguồn trên địa bàn tỉnh chưa được người dân thực hiện; các địa phương chưa triển khai đồng bộ, chuẩn hóa trang thiết bị, phương tiện, hạ tầng kỹ thuật trong quá trình lưu giữ, chuyển giao, trung chuyển, vận chuyển và xử lý chất thải. Việc thu gom bao gói thuốc BVTV sau sử dụng đã triển khai đến các địa phương tuy nhiên tỷ lệ thu gom thấp, nhiều đơn vị đã thực hiện thu gom nhưng chưa hợp đồng được với các đơn vị có chức năng để vận chuyển, xử lý đúng quy định.

- Việc giám sát thực hiện các kết luận sau thanh tra, kiểm tra chưa nghiêm túc, vẫn còn tình trạng nhắc nhở nhiều lần nhưng các cơ sở không xử lý hoặc xử lý không triệt để.

- Các công cụ quan trắc môi trường để dự báo và ngăn ngừa ô nhiễm hiện tại có đầu tư nhưng chưa đáp ứng, phần chính vẫn là trang thiết bị quan trắc thủ công, thụ động, nhiều trang thiết bị được đầu tư từ nhiều năm trước đã xuống cấp, lạc hậu chưa đáp ứng yêu cầu cho công tác quản lý môi trường và đòi hỏi của thực tiễn. Quan trắc môi trường tự động, ứng dụng công nghệ thông tin còn ở mức thấp, hệ thống cơ sở dữ liệu về môi trường chưa triển khai do thiếu nguồn lực thực hiện.

- Công tác bảo tồn đa dạng sinh học còn khó khăn do nhiều nguyên nhân: chưa có cán bộ có chuyên môn sâu, chuyên trách về quản lý đa dạng sinh học; Còn có chồng chéo, giao thoa về đối tượng quản lý và bảo tồn giữa ngành tài nguyên và môi trường, ngành nông nghiệp trong triển khai Luật Đa dạng sinh học, Luật Lâm nghiệp, Luật Thủy sản và các Nghị định hướng dẫn.

- Trong bối cảnh tinh giản biên chế, tinh gọn về tổ chức, việc hoàn thiện tổ chức bộ máy quản lý nhà nước về BVMT đã và đang là khó khăn và thách thức. Nhân lực quản lý môi trường các cấp, ngành chưa tương ứng với sự phát triển đô thị và công tác quản lý chuyên ngành mới theo Luật Bảo vệ môi trường năm 2020¹².

*** Nguyên nhân:**

¹¹ Ô nhiễm môi trường đất, nước, không khí...

¹² Quản lý tổng hợp chất thải rắn, xử lý nước thải, ứng phó biến đổi khí hậu, kinh tế tuần hoàn, tăng trưởng xanh, đa dạng sinh học, quản lý môi trường đối với các di sản thiên nhiên,...

- Kon Tum là tỉnh có nguồn ngân sách còn thấp (*thu chưa đủ chi*), trong khi đó việc đầu tư hạ tầng kỹ thuật BVMT như hệ thống thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt tại các đô thị; hạ tầng kỹ thuật trong quá trình lưu giữ, chuyển giao, trung chuyển, vận chuyển và xử lý chất thải; hạ tầng thu gom chất thải rắn sinh hoạt sau phân loại; hạ tầng thu gom chất thải tại các cụm công nghiệp... đòi hỏi kinh phí lớn, thu hồi vốn và sinh lợi chậm, kinh phí đầu tư từ ngân sách và việc kêu gọi được các nhà đầu tư trong và ngoài nước khó khăn.

- Nguồn kinh phí chi cho công tác BVMT hằng năm mặc dù đã được bố trí không thấp hơn 1% tổng chi ngân sách nhà nước, tuy nhiên việc phân bổ kinh phí sự nghiệp môi trường hiện nay ở tất cả các cấp chưa đảm bảo, còn dàn trải, chưa huy động được sự tham gia tích cực của các đơn vị sản xuất kinh doanh, cộng đồng và toàn xã hội trong việc tham gia xã hội hóa các dự án về BVMT. Chưa đa dạng được nhiều nguồn vốn cho công tác BVMT, chưa thu hút và khuyến khích được nhiều thành phần kinh tế tham gia, vốn viện trợ ODA từ nước ngoài rất ít.

- Công tác xây dựng, quản lý và triển khai quy hoạch¹³ tại các địa phương còn nhiều bất cập, chồng chéo, chưa đáp ứng tiêu chí khoảng cách đến khu dân cư, đến nguồn nước dẫn đến việc triển khai quy hoạch gặp nhiều khó khăn.

- Công tác thanh tra, kiểm tra về BVMT của các cấp, các ngành và các địa phương còn nhiều hạn chế; kiểm tra việc thực hiện các nội dung theo Báo cáo đánh giá tác động môi trường/Giấy phép môi trường được phê duyệt chưa triển khai được nhiều; nhiều địa phương chưa xây dựng kế hoạch kiểm tra định kỳ, chủ yếu là giải quyết các vụ việc phát sinh; việc xử lý vi phạm còn chưa nghiêm; chưa quan tâm hướng dẫn biện pháp khắc phục và phúc tra vi phạm.

- Năng lực quản lý của cơ quan chuyên môn về BVMT còn thiếu về kinh nghiệm, năng lực và số lượng chưa đáp ứng nhu cầu phát triển, đặc biệt là bộ máy ở cấp huyện, xã còn rất hạn chế.

- Nhận thức một bộ phận người dân chưa cao, các phong trào BVMT chưa được duy trì thường xuyên.

3. Đánh giá chung về kết quả thực hiện các chỉ tiêu về môi trường trong 9 tháng đầu năm 2023:

- Chỉ tiêu đã đạt: Tỷ lệ KCN đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường. Kế hoạch năm 2023 đạt 100%; Kết quả thực hiện 09 tháng đầu năm 2023 đạt 100%.

- Tỷ lệ cơ sở sản xuất kinh doanh đạt tiêu chuẩn về môi trường theo kế hoạch năm 2023 đạt 85%. Toàn tỉnh hiện có 27 cơ sở sản xuất, kinh doanh dịch vụ phát sinh nước thải từ 50 m³/ngày trở lên phải có hệ thống xử lý nước thải đạt

¹³ Quy hoạch xử lý chất thải rắn, quy hoạch chăn nuôi tập trung nằm đầu nguồn nước, gần dân cư vẫn đưa vào quy hoạch.

quy chuẩn kỹ thuật môi trường; kết quả thực hiện 09 tháng đầu năm 2023 có 24/27 cơ sở đầu tư hệ thống xử lý nước thải đạt quy chuẩn đạt 88,89% so với kế hoạch năm 2023 (có danh sách kèm theo).

- Tỷ lệ rác thải sinh hoạt được thu gom và xử lý theo kế hoạch năm 2023 đạt 86,5%. Tính từ 9 tháng đầu năm, tổng khối lượng chất thải rắn sinh hoạt (CTRSH) trên địa bàn tỉnh ước tính khoảng 300 tấn/ngày¹⁴; khối lượng CTRSH phát sinh trên địa bàn các huyện, thành phố thu gom và xử lý 260,4 tấn/ngày, đạt 86,8%.

+ Tỷ lệ xử lý triệt để cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng theo kế hoạch năm 2023 đạt 70%. Tính từ 9 tháng đầu năm, toàn tỉnh có 09 cơ sở nằm trong danh sách cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng¹⁵ trong đó có 06 cơ sở đã hoàn thành các biện pháp xử lý ô nhiễm; dự kiến cuối năm 2023 đưa bãi rác huyện Ngọc Hồi vào hoạt động, nâng tổng số 07/09 cơ sở hoàn thành các biện pháp xử lý ô nhiễm đạt 77,77% so với kế hoạch năm 2023.

IX. Mục tiêu, nhiệm vụ và phương hướng công tác BVMT năm 2024

1. Mục tiêu, nhiệm vụ:

a) Mục tiêu:

- Nâng cao nhận thức và ý thức trách nhiệm về chủ động phòng, chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và BVMT. Tiếp tục thực hiện tuyên truyền, hướng dẫn thi hành pháp luật, tập trung triển khai Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 nhằm đưa nhanh các chính sách mới của Luật đi vào cuộc sống tạo sự thống nhất trong toàn xã hội về nhận thức và hành động.

- Chú trọng việc triển khai các nội dung trọng tâm, ưu tiên, cấp bách để việc thực hiện hiệu quả, kịp thời, tập trung vào công tác quản lý chất thải rắn, cải thiện chất lượng môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học; phát triển và nhân rộng các mô hình kinh tế tuần hoàn, kinh tế xanh, cac-bon thấp,...

- Tăng cường triển khai đồng bộ các công cụ quản lý môi trường đối với các dự án, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ dựa trên việc phân loại theo tiêu chí về môi trường.

- Thực hiện các chỉ tiêu Nghị quyết của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh về mục tiêu, nhiệm vụ năm 2024; xác định cụ thể công việc, phân công trách nhiệm và giải pháp thực hiện.

b) Nhiệm vụ:

¹⁴ Khối lượng ước tính trên cơ sở tổng hợp số liệu từ các huyện, thành phố cung cấp trong 9 tháng đầu năm.

¹⁵ Nhà máy đường Kon Tum; Nhà máy điện tỉnh Kon Tum (10 tổ máy); Xí nghiệp giấy bao bì xuất khẩu; Đội chế biến mủ cao su thuộc Công ty Cao su; Bệnh viện đa khoa khu vực huyện Ngọc Hồi; Bãi rác huyện Đắk Glei; Bãi rác huyện Ngọc Hồi; Bãi rác huyện Đắk Tô; Bãi rác thải huyện Kon Rẫy.

- Tổ chức thực hiện triển khai các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn chi tiết thi hành Luật Bảo vệ môi trường của Chính phủ, Bộ Tài nguyên và Môi trường; ban hành kịp thời các văn bản quy phạm pháp luật thuộc trách nhiệm của Ủy ban nhân dân tỉnh được giao trong Luật Bảo vệ môi trường 2020 để làm cơ sở triển khai thực hiện tốt công tác quản lý môi trường trên địa bàn tỉnh.

- Kết hợp đồng bộ, hiệu quả các công cụ, biện pháp quản lý nhà nước về BVMT từ đánh giá tác động môi trường, giải quyết thủ tục hành chính, cấp giấy phép môi trường, thanh tra kiểm tra; tăng cường năng lực quan trắc, cảnh báo diễn biến chất lượng môi trường để chủ động phòng ngừa, kiểm soát, ứng phó xử lý kịp thời đối với các vụ việc, sự cố môi trường phát sinh, đảm bảo các cơ sở, dự án hoạt động an toàn về môi trường.

- Tăng cường công tác quản lý vấn đề thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt; Thúc đẩy việc thực hiện phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn theo Quyết định số 13/2023/QĐ-UBND ngày 04 tháng 04 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quy định về quản lý chất thải trên địa bàn tỉnh Kon Tum và Hướng dẫn số 2962/HD-STNMT ngày 06 tháng 10 năm 2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ tiên tiến trong tái chế, xử lý chất thải rắn, giảm dần việc chôn lấp trực tiếp chất thải.

- Tăng cường các biện pháp quản lý, cải tạo và phục hồi chất lượng môi trường (*đất, nước, không khí...*), chú trọng triển khai Chỉ thị số 03/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường kiểm soát ô nhiễm môi trường không khí và Kế hoạch quốc gia về quản lý chất lượng môi trường không khí giai đoạn 2021 - 2025 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

- Duy trì hệ thống quan trắc nước thải, khí thải tự động liên tục trên địa bàn tỉnh; Tiếp tục rà soát các đơn vị sản xuất kinh doanh có lưu lượng nguồn thải lớn (*nước thải, khí thải...*) yêu cầu lắp đặt trạm quan trắc môi trường tự động, kết nối dữ liệu về Sở Tài nguyên và Môi trường để theo dõi, giám sát theo quy định.

- Triển khai thực hiện tốt việc thẩm định phương án cải tạo phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản; Rà soát, buộc các đơn vị hoạt động khoáng sản thực hiện ký quỹ cải tạo phục hồi môi trường theo đúng quy định; Tổ chức thu phí BVMT đối với nước thải công nghiệp.

- Đẩy mạnh các hoạt động bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học; triển khai có hiệu quả các quy định về BVMT di sản thiên nhiên. Đẩy mạnh phong trào toàn dân tham gia thực hiện có kết quả Chương trình trồng 1 tỷ cây xanh; bảo vệ rừng, phục hồi, trồng mới rừng; nâng cao tỷ lệ bảo tồn gắn với phát triển kinh tế sinh thái, sinh kế bền vững của người dân.

- Tập trung tuyên truyền, hướng dẫn triển khai Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và các văn bản quy định chi tiết hướng dẫn thi hành Luật, tập trung vào các quy định mới. Đẩy mạnh thực hiện các chương trình truyền thông về tăng trưởng xanh, phát triển kinh tế ít chất thải, các bon thấp, kinh tế tuần hoàn

theo hướng đổi mới nội dung, đa dạng hóa hình thức tuyên truyền phù hợp với từng đối tượng, các vùng miền, đặc biệt là đồng bào dân tộc thiểu số; đẩy mạnh xã hội hóa các hoạt động đào tạo, truyền thông về môi trường.

- Duy trì hiệu quả đường dây nóng tiếp nhận thông tin phản ánh, kiến nghị về ô nhiễm môi trường trên địa bàn tỉnh. Chủ động rà soát, nắm bắt, xử lý kịp thời các thông tin phản ánh, kiến nghị về ô nhiễm môi trường trên các phương tiện truyền thông, báo chí và các kênh thông tin khác để tổ chức kiểm tra, xử lý có hiệu quả các vụ việc gây ô nhiễm môi trường được phản ánh, kiến nghị.

- Tăng cường thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện pháp luật về BVMT; tăng cường theo dõi, giám sát các cơ sở có nguy cơ phát sinh ô nhiễm môi trường. Tổ chức thanh tra, kiểm tra, giám sát các khu xử lý nước thải, chất thải rắn tập trung tại các đô thị; thực hiện nhiệm vụ quan trắc các thành phần môi trường nhằm cảnh báo cho người dân chất lượng môi trường sống và đề xuất các biện pháp khắc phục phù hợp.

- Phát huy vai trò, thúc đẩy sự tham gia của các tổ chức chính trị - xã hội, cộng đồng dân cư trong công tác BVMT. Phát hiện, nêu gương, tạo được phong trào, nhân rộng các điển hình, mô hình, cách làm hay, tốt về môi trường; thúc đẩy các nhân tố tích cực, điển sáng, điển hình về môi trường nhằm tạo sự chuyển biến tích cực, giảm dần, thu hẹp các địa bàn, loại hình, đối tượng gây ô nhiễm, tác động xấu lên môi trường.

2. Phương hướng nhiệm vụ công tác BVMT năm 2024

a) Kiện toàn tổ chức bộ máy, tăng cường năng lực quản lý:

- Tiếp tục kiện toàn tổ chức bộ máy và tăng cường năng lực đội ngũ cán bộ quản lý môi trường để thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về chất thải rắn theo Nghị định số 107/2020/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

- Tiếp tục tổ chức tập huấn chuyên môn quản lý về Luật BVMT năm 2020, các Văn bản dưới Luật; bố trí cán bộ chuyên trách về môi trường đủ về số lượng, mạnh về chất lượng; tăng cường năng lực chuyên môn cho cán bộ làm công tác BVMT ở phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện, đáp ứng nhu cầu thực tế.

- Tăng cường sự phối hợp chặt chẽ giữa các cấp, các ngành, đoàn thể có liên quan triển khai thực hiện có hiệu quả chương trình, kế hoạch liên tịch về BVMT đã ký kết, tăng cường vai trò phản biện, giám sát, tham gia quản lý nhà nước về BVMT của các Hội đoàn thể; định kỳ tổ chức sơ kết, tổng kết đánh giá kết quả hoạt động phối hợp, đảm bảo đúng theo các nội dung, mục tiêu đề ra.

b) Huy động nguồn lực tài chính, xã hội hóa công tác BVMT:

- Đẩy mạnh xã hội hóa công tác BVMT nhằm phát huy tối đa mọi nguồn lực trong xã hội tham gia BVMT về xử lý rác thải và nước thải. Triển khai các

hình thức đối tác công tư (PPP), đẩy mạnh sự tham gia của các doanh nghiệp tư nhân, thực hiện cổ phần hóa các doanh nghiệp nhà nước trong BVMT.

- Tích cực, chủ động đề xuất các dự án về BVMT để thu hút nguồn lực đầu tư từ các quỹ tài chính, các tổ chức quốc tế, các nước trên thế giới.

- Tiếp tục tăng cường huy động nguồn lực quốc tế phục vụ cho BVMT. Chú trọng hợp tác với các quốc gia láng giềng về các vấn đề môi trường xuyên biên giới như BVMT nước, môi trường không khí, quản lý chất thải nhựa, kiểm soát săn bắt, buôn bán động thực vật hoang dã trái phép và sinh vật ngoại lai xâm hại.

- Tiếp tục tìm nguồn vốn đầu tư xây dựng hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tại các đô thị trên địa bàn tỉnh.

- Quan tâm bố trí kinh phí sự nghiệp môi trường hằng năm để thực hiện các nhiệm vụ về BVMT theo đề xuất của ngành tài nguyên và môi trường và Ủy ban nhân dân các huyện. Tăng chi từ ngân sách nhà nước cho công tác BVMT, bảo đảm tăng dần theo tốc độ tăng trưởng kinh tế.

c) Hoàn thiện chính sách, pháp luật:

- Tiếp tục rà soát văn bản quy phạm pháp luật về BVMT để đề xuất bãi bỏ, sửa đổi hoặc ban hành theo hướng đơn giản, không chồng chéo, tập trung xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật của địa phương theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

- Xây dựng cơ chế phối hợp chặt chẽ giữa công tác kiểm tra, thanh tra của các cơ quan quản lý nhà nước về môi trường của các cấp với hoạt động đấu tranh phòng chống tội phạm về môi trường của lực lượng Công an phòng chống tội phạm về môi trường.

d) Phòng ngừa, kiểm soát ô nhiễm môi trường:

- Tổ chức triển khai thực hiện tốt Quy hoạch tỉnh Kon Tum thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 ngay sau khi các quy hoạch được ban hành. Thực hiện phân vùng môi trường với định hướng các hoạt động phát triển kinh tế - xã hội phù hợp; thiết lập các cơ chế kiểm soát, ngăn chặn các hoạt động phát triển gây hại đến môi trường trong từng vùng, đặc biệt chú trọng đến các vùng bảo vệ nghiêm ngặt và vùng hạn chế phát thải.

- Thực hiện đô thị hóa bền vững, phát triển đô thị gắn với phát triển hạ tầng kỹ thuật về BVMT; chú trọng phát triển không gian xanh, công trình xanh, đô thị sinh thái, đô thị thông minh, chống chịu với biến đổi khí hậu.

- Phân luồng các dự án đầu tư mới theo mức độ tác động đến môi trường ngay từ khi phê duyệt chủ trương đầu tư để kiểm soát trong suốt vòng đời hoạt động; đặc biệt chú trọng đối với nhóm dự án có nguy cơ tác động xấu đến môi trường mức độ cao.

- Rà soát toàn bộ các tác động đối với môi trường, các yêu cầu về công trình, biện pháp bảo vệ môi trường của các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh; giảm

tiền kiểm, tăng hậu kiểm đối với các dự án đầu tư sau khi cấp giấy phép môi trường, thực hiện kiểm tra, giám sát, tiến hành đo đạc, lấy mẫu và phân tích mẫu chất thải ra môi trường trong quá trình vận hành thử nghiệm của dự án; yêu cầu, khuyến khích các doanh nghiệp có hoạt động xả nước thải ra môi trường tiếp nhận phải thực hiện lắp đặt hệ thống quan trắc nước thải công nghiệp tự động liên tục và truyền dữ liệu về Sở Tài nguyên và Môi trường để theo dõi, quản lý.

- Tập trung kiểm soát chặt chẽ công tác bảo vệ môi trường tại các KCN, CCN, làng nghề; yêu cầu chủ đầu tư các KCN, CCN xây dựng, vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung. Lập và thực hiện phương án, tổ chức tự quản và xây dựng hạ tầng BVMT ở các làng nghề.

- Tăng cường đầu tư, hiện đại hóa trang thiết bị thu gom chất thải rắn sinh hoạt ở các đô thị, mở rộng mạng lưới dịch vụ thu gom chất thải rắn ở khu vực nông thôn. Rà soát quy hoạch, nhu cầu xử lý, chôn lấp, năng lực đáp ứng yêu cầu về BVMT của các cơ sở xử lý, chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh; có kế hoạch cụ thể để nâng cấp, cải tạo, đóng cửa các bãi chôn lấp chất thải rắn không đạt yêu cầu. Song song đó, các địa phương có phương án điều phối, liên kết với các cơ sở xử lý chất thải rắn trên địa bàn tỉnh để xử lý chất thải rắn phát sinh tại địa phương, đảm bảo đạt mục tiêu đề ra theo Kế hoạch số 1448/KH-UBND ngày 07 tháng 5 năm 2021 về triển khai lộ trình và giải pháp xử lý rác thải đáp ứng yêu cầu BVMT đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

- Đầu tư trang thiết bị quan trắc môi trường nhằm tăng cường năng lực theo dõi, giám sát chất lượng môi trường toàn tỉnh; chia sẻ cơ sở dữ liệu và quản lý môi trường thông minh; thực hiện quan trắc môi trường định kỳ hàng năm theo mạng lưới điểm quan trắc môi trường tỉnh Kon Tum giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030 được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 759/QĐ-UBND ngày 19 tháng 8 năm 2021, Quyết định số 545/QĐ-UBND ngày 22 tháng 9 năm 2023 về việc điều chỉnh Quyết định số 759/QĐ-UBND ngày 19 tháng 8 năm 2021.

- Tổ chức triển khai xây dựng Kế hoạch quản lý chất lượng môi trường không khí cấp tỉnh theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020; tổ chức thực hiện kiểm kê khí nhà kính trên địa bàn tỉnh; Phối hợp với các Bộ, ban, ngành triển khai báo cáo giám sát, đánh giá hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu theo Quyết định số 148/QĐ-TTg ngày 28 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ.

- Tiếp tục triển khai Nghị quyết số 09/NQ-CP ngày 03 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ Phiên họp thường kỳ Chính phủ tháng 01 năm 2019 về thống nhất quản lý nhà nước về chất thải rắn; Chỉ thị số 33/CT-TTg ngày 20 tháng 8 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường quản lý, tái chế, xử lý và giảm thiểu chất thải nhựa; Chỉ thị số 41/CT-TTg ngày 01 tháng 12 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về một số giải pháp cấp bách tăng cường quản lý chất thải rắn; Kế hoạch của UBND tỉnh: số 2532/KH-UBND ngày 30 tháng năm 2019 về triển khai Nghị quyết số 09/NQ-CP ngày 03 tháng 02 năm 2019 của

Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về chất thải rắn; số 1448/KH-UBND ngày 07 tháng 5 năm 2021 về triển khai lộ trình và giải pháp xử lý rác thải đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Kon Tum; số 3547/KH-UBND ngày 21 tháng 12 năm 2018 về việc thực hiện phong trào “Chống rác thải nhựa” trên địa bàn tỉnh Kon Tum; số 3303/UBND-NNTN ngày 03 tháng 9 năm 2020 về việc tăng cường quản lý, tái sử dụng, tái chế, xử lý và giảm thiểu chất thải nhựa trên địa bàn tỉnh Kon Tum; số 4680/KH-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2021 triển khai thực hiện Quyết định số 175/QĐ-TTg ngày 05 tháng 02 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án “Đẩy mạnh công tác tuyên truyền về phòng, chống rác thải nhựa giai đoạn 2021 - 2025” trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

- Quản lý bảo vệ các khu bảo tồn, khu vực đa dạng sinh học cao, hành lang đa dạng sinh học và các khu vực chưa đủ điều kiện thành lập khu bảo tồn; hưởng ứng, triển khai sáng kiến của Thủ tướng Chính phủ về trồng 1 tỷ cây xanh...

- Tăng cường kiểm tra, thanh tra chấp hành pháp luật về BVMT, đấu tranh phòng, chống tội phạm về môi trường, tập trung vào các đối tượng có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường cao; tăng cường kiểm tra, thanh tra đột xuất, thực hiện thanh tra thường xuyên về BVMT theo quy định của Luật Thanh tra và pháp luật về BVMT.

X. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

1. Đối với Chính phủ, các bộ ngành Trung ương

- Sớm ban hành các văn bản hướng dẫn, hướng dẫn kỹ thuật để triển khai Luật Bảo vệ môi trường năm 2020; sửa đổi, bổ sung nội dung còn vướng mắc. Ban hành các cơ chế, chính sách tạo điều kiện để các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tiếp cận với các công nghệ mới và các nguồn vốn vay ưu đãi để xử lý chất thải.

- Có các chính sách tăng cường biên chế, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, từng bước đáp ứng yêu cầu quản lý BVMT trong thời kỳ đẩy mạnh CNH, HĐH và hội nhập quốc tế. Đặc biệt, đối với cán bộ chuyên môn cấp xã nên bố trí cán bộ chuyên trách có trình độ chuyên môn về tài nguyên môi trường; không để cán bộ cấp xã kiêm nhiệm quá nhiều nhiệm vụ như hiện nay.

- Quan tâm tăng tỷ lệ chi ngân sách về môi trường đạt trên 2% trong tổng chi ngân sách cho hoạt động sự nghiệp môi trường, đảm bảo yêu cầu trong giai đoạn mới.

2. Đối với Bộ Tài nguyên và Môi trường

- Sớm xem xét, tháo gỡ sự chồng chéo trong triển khai nhiệm vụ quản lý và bảo tồn đa dạng sinh học giữa Bộ Tài nguyên và Môi trường trong quản lý đa dạng sinh học theo Luật đa dạng sinh học và các Nghị định hướng dẫn với quản lý hệ thống rừng đặc dụng của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo Luật Lâm nghiệp, Luật Thủy sản và các Nghị định hướng dẫn. Rà soát, sửa đổi hệ thống văn bản quy phạm pháp luật cho phù hợp, đồng bộ và phù hợp điều kiện thực tế tại các địa phương.

- Sớm ban hành chính sách khuyến khích các thành phần kinh tế, cá nhân đầu tư về bảo vệ môi trường, nhất là hoạt động tái chế, tái sử dụng chất thải; cải thiện trình tự, thủ tục đầu tư đối với các dự án về môi trường, thúc đẩy, khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia.

- Xây dựng cơ chế, chính sách khuyến khích xã hội hóa công tác BVMT, khuyến khích doanh nghiệp sản xuất sạch hơn, tiết kiệm năng lượng, phát triển mô hình sản xuất các sản phẩm thân thiện với môi trường.

- Sớm ban hành hướng dẫn cụ thể đối với các nhiệm vụ liên quan đến quản lý chất thải rắn như: phương pháp định giá dịch vụ xử lý chất thải rắn sinh hoạt, quy định định mức kinh tế kỹ thuật về thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt; hướng dẫn kỹ thuật về phân loại chất thải rắn sinh hoạt phù hợp và kịp thời với quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 để các địa phương có căn cứ triển khai thực hiện; nghiên cứu ban hành hướng dẫn về công nghệ, kỹ thuật xử lý nước thải tại chỗ (*quy mô hộ gia đình*).

- Sớm tổ chức hướng dẫn, chuyển giao hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu về môi trường ở cấp bộ, kết nối, chia sẻ với các địa phương.

- Thường xuyên tổ chức kiểm tra, giám sát việc chấp hành pháp luật về BVMT đối với các tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh do Bộ Tài nguyên và Môi trường thẩm định phê duyệt/cấp phép.

- Tham mưu cho Thủ tướng Chính phủ bố trí kinh phí từ ngân sách Trung ương để hỗ trợ kinh phí xử lý triệt để ô nhiễm tại các cơ sở công ích, các dự án về bảo tồn đa dạng sinh học, thích ứng với biến đổi khí hậu tại địa phương.

- Tăng cường đào tạo chuyên môn đội ngũ cán bộ quản lý môi trường, chú trọng chuyển giao để khai thác, sử dụng các công cụ mô hình, phân tích, dự báo các kịch bản tác động môi trường từng ngành, lĩnh vực, khu vực. Cùng cố tổ chức bộ máy quản lý Nhà nước về bảo vệ môi trường, tăng cường con người, trang thiết bị, phương tiện... để thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về chất thải rắn theo Nghị định số 107/2020/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

Trên đây là Báo cáo công tác bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Kon Tum năm 2023 và phương hướng nhiệm vụ năm 2024, Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường (b/c);
- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Ban Kinh tế và Ngân sách - HĐND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- UBND các huyện, thành phố;
- VP UBND tỉnh: CVP, các PCVP;
- Lưu: VT, NNTN, KTTH, HTKT, KGVX, NC.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Ngọc Sâm